

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|-----------------|
| — Hai đường. | VŨ VĂN HIỀN |
| — Vấn-đề phương-pháp sử học. | THANH TUYỀN |
| — Nguồn gốc và đặc tính của
Hiển-pháp Trung-hoa. | PHAN ANH |
| — Điều tra nhỏ: Bệnh đau mắt
hột tại làng Khương-hạ. | VŨ VĂN CÁN |
| — Mẫu sắc | MAI ANH |
| — Một truyện trào lộng phương
Tây: Lớp đệ nhị B (<i>Nguyên văn
của Pitigrilli</i>) | HUYỀN KIỀU dịch |
| — Bạn đọc viết: Giáo-dục âm nhạc | VĂN HOA |
| — Đời sống Đông-dương: Việc
bồi thường nhưng tổn hại mà
thường dân phải chịu vì chiến
tranh ở Đông-dương. | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Việc quốc tế | B. Đ. D. |

NĂM THỨ BA: SỐ 63 — NGÀY 29 AVRIL 1944

BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
 VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
 DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 6 Mai 1944

Thanh-nghị	PHAN ANH
— Tư tưởng xã-hội học.	A. A.
— Sử ta so với sử Tàu.	Ứng-hòa NGUYỄN VĂN TỐ
— Đền chùa Việt-nam ở xứ Cao-mên.	Thúc-ngọc TRẦN V. GIÁP
— Ý nghĩa xã-hội của phong trào « Độc Kinh » và « Tôn Văn » (Nguyên văn của Duy Minh)	VÔ TÂM dịch
— Trích thuật sách báo.	TRỌNG ĐỨC
— Mưa phùn (Truyện ngắn).	HƯƠNG MINH
— Giáo-dục âm nhạc	VĂN HOA

ANH HOA

69, HÀNG THAN — HÀ-NỘI

ĐÃ RA :

QUÊ HƯƠNG (NGUYỄN TUÂN) Hết
 PHONG LƯU ĐỒNG KIỆNG (TOÀN ANH) 2\$50

SẼ RA :

ĐÔNG - CHU LIỆT QUỐC,
 ÂM BĂNG TOÀN TẬP (văn - nghiệp
 LƯƠNG KHẢI SIÊU)

= THANH NIÊN =

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

TƯ-TƯỞNG — VĂN-HÓA — NGHỆ-THUẬT

Gây tình đoàn-kết giữa người Việt ba kỳ.
 Khuyến-khích hoạt-động để chứng tỏ sức sống
 của người Việt.

Phụng-sự nghệ-thuật nước nhà trên con
 đường mới.

Thanh-nghị từng thu

Xin chú ý. — Các bạn mua năm báo T. N. trong ba tháng Mars, April Mai 1944
 sẽ được biếu một trong những cuốn sách sẽ xuất bản — Xin nói thêm cho rõ nghĩa rằng
 quyền lợi trên dành riêng các bạn mới bắt đầu mua năm. Còn các bạn vẫn mua năm từ
 trước thì cả về sau này sẽ được trừ 20% về giá tất cả các sách trong bộ T. N. từng thu.

HAI ĐƯỜNG

VU VAN HIEN,

Một đôi khi ở đời, ta bắt buộc phải chọn giữa hai đường đi rồi rấn theo một đường mà chưa biết con đường ấy đi đến một tương lai ra sao.

Nhưng sự phải chọn như thế rất hiếm.

Nói thế không phải là nói rằng trong cuộc sống, ta luôn luôn theo được thuyết trung dung luôn luôn bởi giữa hai dòng nước và bờ thế bắt cả hai tay được. Dạng hoá nhiều khi chỉ là một công việc và giữa nếu không là thái độ của những tinh thần rút rứt không biết sống thì phải rấn mình đi vào tương lai mới lạ, là phải biết nhận lấy trách nhiệm và nguy hiểm của sự quyết định trong giây lát.

Nhưng thực ra thì sự bấp khoản giữa hai đường trái ngược và sự thái độ rứt rứt do ở đây mà ra—nhiều khi chỉ phát khởi ở một sự lập luận hàm hồ.

«Duy-vật hay duy tâm», «thủ cừu hay cấp tiến», «khuyh tả hay khuyh hữu», «chủ chiến hay chủ hòa», còn bao nhiêu những câu sáo như thế nữa đã vướng víu trong óc ta, khiến cho khi suy xét một công việc, phê-bình một người hay một cơ quan, hay muốn giải quyết một vấn đề, thì ta đã sẵn có một «thuyết» và một «phản thuyết» để mà chọn.

Nhiều cuộc tranh luận khó khăn, nhiều sự kiêu nhâm, nhiều sự hành động sai lạc và nhiều sự chán nản đã gây ra, chỉ vì người ta đã lập luận theo danh từ, đã nghĩ theo danh từ chứ không nghĩ theo tư tưởng và sự thật.

Nếu ta cố gắng gạt bỏ những «vỏ» danh từ và lý thuyết ra ngoài, để trống rỗng thực tế thì ta thấy nhiều vấn đề có vẻ là phức tạp thật ra thì rất giản dị và để đi tới một mục đích nhiều khi chỉ có một đường, tuy rằng có nhiều cách.

Ta muốn hiểu rõ những phong trào lịch sử ư? Tại sao ta phải kiểm thức tinh thần ta vào khuôn khổ chật hẹp của thuyết «duy vật» hay «duy tâm»? Tinh thần khoa-học là ở chỗ trong sự thật; để nhận thấy sự thật có khi ta phải dùng cả hai thuyết đó, mà có khi ta phải dùng một thuyết khác.

Tại sao ta cứ bấn khoản về việc ông hàng xóm phía Nam nhà ta «yêu ta», hay «ghét ta»? Có khi ông ấy chỉ lãnh đạm với ta; còn yêu ghét là do ở sự ta giao thiệp nhiều hay ít hay không và ở sự ta có giúp ích được ông ấy hay không. Ta không cần phải để ý đến sự yêu ghét của người mà hãy nghĩ xem cái giá trị riêng của ta là thế nào.

(Xem tiếp trang 24)

VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP SỬ HỌC

THANH TUYẾN

Trong một bài trước (1), chúng tôi đã nói qua đến sự cần phải duyệt lại vấn đề phương pháp sử học.

Dưới đây, chúng tôi muốn bàn về vấn đề ấy cho kỹ lưỡng hơn.

Trước hết, ta nên phân biệt hai lĩnh vực chính trong sử học ngày nay, là lịch sử và xã hội sử.

Muốn lấy một vài thí dụ cụ thể, ta có thể đọc và so sánh một ít bộ sách về sử học nước ngoài.

Ở Pháp, ngoài những bộ lịch sử chuyên khảo cấu về quá trình diễn tiến của quốc gia, về những sự trạng quan trọng trong các bộ môn hoạt động của dân tộc, như là chính trị, kinh tế, binh bị, học thuật v. v. ngoài những công trình vĩ đại như bộ Histoire de France do các nhà Giáo sư. Thạc sĩ biên tập dưới quyền giám đốc của Ernest Lavisse ra, gần đây người ta đã xuất bản nhiều bộ xã hội sử như là Histoire politique de la Troisième République (A Zévaès), la France, Histoire d'un peuple (A. Ribard)...

Ở Tàu, từ lúc sử học đã bắt đầu có mầm móng trong văn học cho đến đầu thế kỷ này, trong khoảng hơn hai nghìn năm giới, các nhà chép sử vẫn chú trọng về lịch sử. Gần đây, nhất là 1927 gở đi, nhiều nhà sử học « tân tiến » như Quách mạt Nhược, Lý Quý, Hồ thu Nguyên, Vương lệ Tích, Thái nguyên Bồi... v. v. đã lưu tâm về nghiên cứu xã hội sử Trung-quốc. Những bộ sử xuất bản vào khoảng mười hai năm trước trận Thế giới Chiến tranh ngày nay, phần nhiều đều lấy xã hội làm « trung tâm điểm », Người ta đã thảo luận về những vấn đề « Thời kỳ kinh tế » Chế độ Nô lệ, Phong kiến-Tư bản ở Trung quốc v. v. .

Xã hội sử tuy là hẳn mới xuất-hiện, nhưng ngày nay đã thành một bộ môn rõ rệt trong sử-học, Lại có nhiều sử-giả đã chủ trì nên lấy xã-hội sử mà thay cho lịch sử. Số là họ đã thấy rằng : lịch sử học hiện nay còn ở trong một tình hình hỗn-dộn mà, xã-hội sử thì đã có lẽ lối, có quy-cổ, đã vạnh rõ được đại-cương sự tiến hoá của cả nhân-loại, của các dân-tộc.

Tuy vậy lấy xã-hội sử mà thay cho lịch sử là một quan điểm sai lầm. Lịch-sử là lịch sử, mà xã-hội sử là xã-hội sử.

Lịch sử cùng xã hội sử khác nhau thế nào ?

Trước hết, ta nhận thấy lịch sử là một khoa-học có tính cách cụ-tượng. Mục đích khoa học này là ghi chép những sự trạng thực-tế đã xảy ra trên thế-giới, hay trong một địa-phương, Đời sống của loài người đã biểu-hiệu

ra những sự trạng gì ? Con đường thực tiễn của loài người là thế nào ? Bấy nhiêu công cuộc thực tế là sử-sự, là đối tượng của lịch-sử-học. Tính cách phức tạp của bấy nhiêu trạng thái hoạt-động bắt buộc nhà lịch sử học phải chia sử-sự ra, làm nhiều bộ-môn nhiều giai-đoạn, để ghi chép, cho tường tận và giải-thích cho rõ ràng. Tuy vậy, bao giờ lịch sử cũng chú trọng về sự biến chấp các sự trạng cụ thể, chứ không cần lĩnh-hội trong bấy nhiêu cụ tượng một quan niệm triều tượng có tính cách khái-quát (synthèse). Cố nhiên trong lúc giải thích sử-sự, lịch-sử cũng cần vận-dụng đến một vài quy-luật (lois) đã « chi phối mọi sự quan-hệ (rapports) giữa người và người » Nhưng không phải là lịch sử đã tìm ra quy luật đó, lịch sử chỉ vận dụng những quan-diểm của xã-hội sử đã tìm ra mà thôi. Lịch sử cũng không chú trọng về quy-luật đại cương đó, lịch sử chỉ là một « dịp » để thử nghiệm, bấy nhiêu khái-niệm triều-tượng.

Xã hội và lịch-sử vẫn có những chỗ tương-đồng, hai đảng đều là khoa-học đều thuộc về khoa sử học đều lấy dĩ vãng loài người làm lĩnh-vực, đều lấy những bộ môn sinh hoạt của loài người làm đối tượng; đều căn cứ vào những động lực đã gây nên sự tiến hoá của loài người, mà tìm phương pháp giải thích cho xác đáng; hơn nữa, hai đảng đều có liên lạc với nhau rất chặt chẽ cùng nhau. Nhưng không phải vì thế mà ta có thể đập gập hai khoa học này lại làm một, và lấy xã-hội sử mà thay vào lịch sử.

Số là căn cứ xã hội sử là một quan niệm trừu tượng, và tính cách xã-hội sử vẫn là trừu tượng. Xã-hội sử căn bản ở một khái niệm của xã-hội học : tức là xã-hội. Một con người là một cụ-tượng, nhưng xã-hội là một trừu tượng. Xã hội là một khái-niệm đại-quan, khái-quát (synthétisant) mọi mối quan-hệ giữa người và người. Người ta không thể sống một mình trên mặt đất. Người ta là một loài động vật chỉ tồn-tại được trong đoàn thể chung. Ngay lúc nhân-quần (đàn người) đã xuất hiện trên thế giới thì giữa người này với người kia đã gây nên những mối liên-lạc chặt chẽ. Những mối liên-lạc đó tức là mối « quan hệ xã hội » (rapports sociaux), Đời sống sức hoạt động của mọi người chỉ có thể vận-dụng và hoàn thành ở trong những mối liên lạc « hộ-tương quan-hệ » (rapports de réciprocité) đó. Sự liên lạc ấy đã chi phối cả mọi trạng thái hoạt-động của loài người đã biểu-hiệu ra trong các công cuộc kiến thiết về kinh tế, luân-lý, chính-trị, học thuật... v. v. Và lại, trên đây nhiều mối quan-hệ phức-tạp và luôn luôn biến hoá xã-hội cũng luôn luôn diễn-tiến theo sự biến hoá của các

(1). Xem Thanh-ngệ số 59 : ngày 25 Mars 1944.

bộ môn thực-lễ Trách nhiệm xã-hội học là phân tích những quan hệ đã gây thành nên sinh hoạt chung, và nhận lấy bộ phận nào là trọng-yếu (hạ tầng cơ sở) và bộ phận nào là phụ thuộc (thượng tầng kiến thiết), để mà chỉ rõ con đường diễn-tiến của xã-hội và sức động lực chủ-yếu của sự diễn-tiến đó.

Nói tóm lại, ngay từ lúc có người, là có xã-hội. Sau lúc xã-hội thành lập, thì sự sinh hoạt chung đã gây nên những liên-lạc chặt chẽ và bao nhiêu công việc kiên thiết của giống người một mặt thì liên-lạc cùng nhau, «tương thành, tương phản» theo luật đoàn kết (solidarité) và một mặt nữa lại theo luật biến-hoá mà luôn luôn phát triển và diễn tiến.

Căn cứ vào nguyên tắc cơ bản của xã hội học vừa tóm tắt trên đây, các nhà xã-hội sử đã đem các bình-thái xã-hội trong lịch-sử phát triển của loài người mà khái-quát lại. Họ đã nhận thấy rằng :

— Sinh hoạt xã-hội biến hóa luôn luôn.

— Sự biến hoá đó đã gây nên những hình-thái xã-hội (formes sociales) khác nhau trong trang-kỷ lịch-sử. (Xã-hội nguyên-thủy, xã-hội nô-lệ, xã-hội phong kiến, xã-hội tư-bản, v.v.)

— Mỗi một hình-thái xã-hội đều tổ-chức theo những quy-luật riêng.

— Từ xã-hội này đến xã hội khác, có những mối liên lạc chung, và theo những quy-luật biến-hoá nhất định.

Tổng hợp những mối liên-lạc chung trong các bộ-môn sinh-hoạt loài người theo từng giai-đoạn, xét rõ nguyên-nhân, lai-lịch của mọi công cuộc tổ-chức, khái-quát bấy nhiêu mối « quan-hệ xã-hội » để nhận thấy những quy luật đã chi phối sự phát triển và biến-hoá của các « xã-hội hình thái » là mục đích xã-hội-sử.

Bấy nhiêu khái-niệm không phải là những danh-từ viển-vông do trí tưởng-tượng đào tạo ra, mà chỉ là những câu kết luận — trừu tượng mà xác-thực — của lối khái-quát sử-học. Các nhà tiền-bối trong xã-hội sử đã nghiên cứu kỹ-lượng những chế độ xã-hội nguyên-thủy trong lịch-sử dân-tộc Germans rồi đến xã-hội thị-tộc Hi-lạp và La-mã. Họ đã phân tích những lý-do gây nên chế độ tư-hữu, và sự thành lập-sử quốc-gia. Họ cơ lại chú ý đến sự phân-hóa (décomposition) của xã-hội nguyên thủy, đến đặc-sắc của chế độ nô-lệ ở Hi lạp, La Mã, và tình hình phát triển cùng sự biến hóa của xã-hội nô-lệ, xã hội phong kiến, chế độ tư-bản... v.v.

Chính nhờ công trình nghiên cứu đó mà xã-hội-sử ngày nay đã có thể vạch rõ lẽ lối đại-thể và một ít quy-luật cơ-bản trong sự phát-triển của xã-hội loài người.

Chúng ta thấy rằng về nội dung thì lịch sử là một khoa học cụ-thể lấy những việc đã xảy ra trong lịch-trình tiến-hóa của nhân-loại làm đối-tượng. Một mặt thì lịch-sử là một thiên tự sự trung-thành để ghi chép giải thích nhân quả các việc trọng yếu trong xã-hội, theo từng bộ-môn, từng thời kỳ ; một mặt nữa, lịch-sử lại biến-hiện cả địa vị và công dụng của người — nhân-vật — ở trên quá trình đó. Còn xã-hội-sử thì chú trọng đến công cuộc khái-

quát-tuần-tượng hơn là sự biến tập các cụ-tượng. Bởi với những công cuộc quan trọng (sử-sự), với địa-vị và công-dụng của người, của mọi lực lượng xã-hội trong các thời kỳ đã qua, có lúc xã-hội-sử không cần nói đến, có lúc chỉ nhắc tới, chỉ tóm tắt qua loa nhân quả của nó lại, và thường thường thì chỉ đem những sự trạng chung một tính cách mà sắp đặt lại để nhìn lấy trong đó một lối khái quát sử học, để tìm ra cái ý nghĩa xã-hội của nó mà thôi. Lịch sử chú trọng đến « bản thân » của công cuộc thực-tiến, xã-hội sử chỉ đưa vào đây để đi tới con đường khái-quát. Nhưng cũng chính nhờ có những cụ-tượng ghi chép ở lịch-sử mà xã-hội-sử đã tìm ra những khái niệm đại cương của nó ; và cũng nhờ bấy nhiêu quy quy luật trừu-tượng của xã-hội-sử mà nhiều hiện-tượng lịch-sử mới có thể giải-thích theo những quy luật xác đáng. Hai bộ-môn của sử-học đó tuy có liên lạc cùng nhau, mà đều có tính cách đặc biệt và lĩnh-vực riêng. Đem xã-hội-sử mà thể cho lịch sử là ngộ nhận tính-cách của sử-học.

*

Mặc dầu, một điều chắc chắn là xã-hội sử ở các nước, ngày nay, đã tìm được hệ-thống rõ rệt, đã có phương pháp hoàn-bị. Ở Âu Mỹ, các nhà xã-hội sử trong nửa thế kỷ nay, đã viết được những bộ xã-hội sử có lẽ-lối phân minh, dễ cho đọc giả dễ dàng nhận thấy sự tiến, triển của dân tộc, của quốc gia. Ở Nhật và ở Tàu-mười lăm năm sau đây, người ta cũng đã chuyên tâm về xã-hội sử. Tuy vậy phần nhiều công cuộc nghiên cứu xã-hội sử hiện nay còn chú trọng về mặt kinh tế sử chính-trị sử mà thôi. Số là trong bước đầu tiên này, xã-hội-sử còn chưa đủ thí giờ để mà sưu tầm kẻ trừ, cho nên về các bộ môn của những « ý thức hình thái » (idéologies) khác (như là tôn giáo, nghệ-thuật, văn hóa, pháp luật v.v.), vẫn chưa có những bộ sách hoàn bị. Kinh-tế là cơ sở của tất cả các công cuộc kiên thiết thượng tầng, nhưng trên nền tảng đó, sự hoạt động của loài người còn biểu hiện ra bằng hình thức khác mà chúng ta không thể bỏ lảng được. Hơn nữa, muốn thử nghiệm quy luật xã-hội sử, thì cũng phải đem mà ứng dụng vào toàn thể các bộ-môn sinh-hoạt.

Riêng về xã-hội sử nước mình, chúng tôi đã có dịp nhắc đến quyển « Việt nam văn-hóa sử cương » của Đào-đuy-Anh. Nhưng cũng mới là một bước đầu mà thôi. Và lại theo ý chúng tôi thì chúng ta lại nên bắt đầu từ lịch-sử kinh-tế. Lẽ dĩ-nhiên là sự khảo cứu còn cần nhiều ngày giờ, công-phu, còn gặng nhiều trù lực quan-tượng. Nhưng trong công trình kiến-thiết bất kỳ về một phương-diện nào, vấn đề phương pháp vẫn là một vấn đề quan trọng. Trên lĩnh-vực học-thuật cũng vậy, một dân-tộc hạn cần phải thử-nghiệm nghiệm những sáng-kiến và lý luận của khoa học nước ngoài vào trong tình thế nước mình. Nếu như ta là một nước phú-cường, văn minh độ nhất trên thế giới đi nữa, thì cái thái độ miệt thị ngoại-quốc, và di-tộc, cũng chỉ là một thái độ kiêu

sống của một nền văn-hóa « *parvenue* » mà thôi: thái độ ấy không những nguy-hại mà lại nguy-hiểm cho mình về phần thực hành nữa. Nếu như ta là một nước còn sa sút nhiều, thì cái thái độ khinh để hết những « cái gì (?) không thuần túy quốc-gia » lại càng ngớ, càng vô lý, càng nguy-hiểm. Phụ diện ý tứ câu nói của một nhà khoa-học, ta có thể nói: Khoa-học không có « *ethique* », khoa-học không có quốc-giới, chủng-giới, khoa học là một di-sâm chung của nhân-loại. Nhưng một nước, một dân-tộc mà không có khoa-học, thì sự sinh tồn cũng khó mà phát triển, nói gì đến chuyện phú-cường đến cái hy-vọng mai kia sẽ « an trên ngôi trời » trời « vũ đài thế-giới » !

Điều cần thiết là ta phải vận dụng học thuật ở ngoài cho « *thoang-minh* ». Chúng ta phải căn cứ vào giới thuyết hạn hẹp phạm vi của khoa sử, áp dụng những hệ-thống khoa-học với khối óc phê-bình, đem mà thử nghiệm vào trong xã-hội nước nhà xưa nay để mà nghiên cứu xã-hội Việt-Nam ta. Trước hết ta phải lấy sử-sự mà đối chiếu với quy-luật, cùng bao giờ đem quy luật, đem tam tính mà áp dụng sử-sự.

Chúng ta sẽ chỉ cố thể khảo công từ những thời kỳ mà hiện hay còn lại được ít nhiều sử-liệu đích xác: sau đó chúng ta còn phải chờ đợi khá lâu mới mong được những « *quang trường* » của xã-hội, sử (văn lịch-sử) trước thời « *L.L.L.*, L.L.

Đồng thời với xã-hội sử, chúng ta cũng cần phải định-chinh văn đề phương-pháp lịch-sử, để mà có thể gây dựng trong văn-học nước ta một nền tảng khoa-học về sử nước mình, sử nước ngoài, và sử thế-giới nữa.

Sở dĩ lịch-sử học hiện nay còn chưa đi đến trình độ khoa-học là có nhiều lý-do.

Trước hết nhiều nhà viết sử còn chưa nhận rõ phạm vi đích xác của sử-học. Họ vẫn chỉ chú ý đến đời sống của lớp người cao quý, đến công trạng của một thiểu số anh-hùng hoặc quý tộc; họ không lưu tâm đến tình hình sinh hoạt của toàn thể xã-hội. Lịch-sử họ viết chỉ là một « *bộ sử trận mạc* » (*histoire bataille*) là một thiên tiểu-truyện của các danh-nhân, hay là một tập quan-báo khố khan hay là — tệ hơn nữa — « *lịch-sử* » « *tiểu-biểu* » của các vị đế-vương mà thôi. Họ quên lẫn rằng lịch-sử trước hết là tập sách ghi chép về công cuộc tiến hóa của đời sống nhân loại, thì đối-tượng của sử-học phải gồm đủ các trạng-thái sinh-hoạt của đại chúng về vật chất và tinh thần như là kinh tế, chính trị, tôn giáo, đạo đức, pháp luật, phong tục, tư tưởng, mỹ thuật, khoa học v. v. Sử học ở Âu, Mỹ đã đánh đổ những phương pháp sai lầm ấy đã lâu. Nhưng ở Tàu và ở nước ta thì vấn đề ấy hiện vẫn là một câu chuyện phải để khỏi trong « *chương trình nghị sự* ». Trong bài kết luận về lịch-sử « *La civilisation chinoise* » Marcel Granet, nói đến Lược-điểm của lịch-sử của nước Tàu ngày xưa, đã viết một đoạn sau này: « *Lịch*

sử (nước Tàu) (ngài giải - cấp thống trị ra) cơ hồ hoàn toàn lờ đi cấp cho ta một tài liệu gì về sự diễn-tiến của phong-hóa trong các đoàn thể tại tiến ở các thị-thành. Ấy nhưng các giai tầng này chắc là đã gây nên một lối tập-tục riêng cho bọn dân làm nghề buôn; và có lẽ đặc-tính của nền tập-tục của họ là tinh-thần đoàn thể và yếu chuồng nhưng không nước lòng bình. Chúng ta có thể đoán quyết rằng: ảnh hưởng của phong tục họ đối với đời sinh hoạt Trung-quốc không phải là nhỏ; thế mà ngày nay chúng ta cơ hồ không biết một tí tài liệu gì nói đến đời sống thực tế của những lớp người cừu lao, đến địa vị các thành thị trong nền kinh-tế chung đến sự phát triển của các đô thị đó về mặt pháp luật, và luân lý. Văn biết rằng không nên khinh ra công trình của giai cấp thống trị. Nhưng... cũng phải nhắc lại rằng nói theo quan niệm truyền thống quý tộc, lịch-sử (ở Tàu) đã không tri ý đến các công cuộc vận động của đại chúng » (1).

Lời than phiền trên đây đem mà áp dụng vào sự phê-bình quan điểm lịch-sử nước ta có lẽ lại đúng hơn nữa.

Lại còn nhiều nhà lịch-sử học đã ngộ nhận cái sức « *nguyên-dộng* » xưa kia trong lúc thần quyền còn chi-phối tư tưởng yếu ớt của loài người thì nhiều nhà sơ chủ từ rằng: lịch-sử giống người có thay đổi là chỉ là mệnh trời, hoặc là thần linh sắp đặt ra mà thôi. Đến lúc thất-quyết đã suy, một lớp sử-học khác cũng lại vẫn đem những quan-điểm siêu hình mà giảng giải động-lực của lịch-sử. Họ cho rằng: tinh thần hoặc nghị lực của một vài bậc vĩ-nhân là sức chủ động cuộc tiến hóa. Nhưng ấy cũng vẫn chẳng qua là một quan-điểm chính-nhiên-thuận-giác mà thôi: họ đã đem tính người, tính-thần người. Đặc biệt là lực lượng của một vài người « *anh-hùng-páo-khuyết* » ra mà thôi phụng lăm ngôi thần sống đã « *exorcyer* » nên thời thế và gây nên lịch-sử. Sau nữa còn một quan-điểm gần đây mới xem qua tựa hồ là hợp với khoa học, nhưng kỳ thực vẫn sai lầm; quan-điểm ấy chủ-tri rằng: nhân tố duy nhất đã gây nên sự phát triển của giống người chỉ là hoàn-cảnh tự-nhiên, là yếu-tố địa lý.

Ngộ-điểm chung của ba quan-điểm trên đây là ở chỗ họ không chịu nhận rằng: chính loài người đã gây dựng nên lịch-sử, loài người là người ta phải chịu một phần ảnh-hưởng của hoàn-cảnh tự-nhiên, nhưng sự sinh hoạt trước hết là một công cuộc tranh đấu của loài người. Thì lịch-sử loài người trước hết là một bộ lịch-sử tranh đấu. Chịu ảnh hưởng của tự-nhiên nhưng người cũng đã biết lợi dụng tự-nhiên mà phấn đấu với sự thiên nhiên một mặt nữa, giữa người và người xưa nay vẫn phải luôn luôn tranh đấu. Và chính bấy nhiêu cuộc tranh đấu đã đưa loài người, lên con đường tiến hóa, (Xem tiếp trang 27)

(1) Marcel Granet. — *La civilisation chinoise*. tr. 502.

Nguồn gốc và đặc tính CỦA HIẾN-PHÁP TRUNG-HOA

PHAN ANH

Lược theo bản « *Kiến quốc lại trung* », đạo « *Huấn chính thời kỳ ước pháp* » và đạo « *Quốc dân chính-phủ tổ-chức pháp* » (xem T. N. số 49, 50, 56) ta có thể tóm tắt hiến pháp Trung-Hoa đại khái như sau đây :

Về **chính thể** thì Trung-Hoa là một dân-quốc *Cộng Hòa thống nhất* (Đ. 3 H. C. F. K. U. P.)

Dân quyền được hiến pháp bảo-đảm : các quyền tự do cá-nhân, tự do ngôn luận, tự do kết hội và tụ họp, tự do tín ngưỡng v. v.. đều được pháp luật bảo vệ một cách rõ ràng (Đ. 8 — 15 đồng thượng).

Trung-Hoa dân quốc công nhận **ché độ tư nhân tài sản** và quyền **thừa kế tài sản**. (Đ 16 — 19 đồng thượng).

Về **chính quyền** thì quốc dân có bốn thứ quyền : *tuyển cử* (election) *bãi miễn* (revocation) *sáng chế* (initiative) và *phục quyết* (referendum) Đ. 9. K. Q. Đ. C.).

Cổ nhiên, những quyền ấy là quyền của toàn thể quốc dân Trung-Hoa. Nhưng hiện-tình, dân trí chưa tới trình độ có thể sử dụng những quyền ấy, nên tạm thời giao cho **Quốc Dân Đảng**. Và đồng thời *Quốc dân Đảng* cũng đồng đương **thống trị quyền**, mà tổ-chức chính-phủ theo định lệ của hiến pháp.

Chính-phủ gồm có 5 cơ-quan ngang hàng cầm 5 thứ trị quyền : *Hành chính viện*, Gồm có các bộ ; *Lập-pháp viện*, *Tư pháp viện*, *Khảo thí viện* và *Giám sát viện*. Trên 5 cơ quan ấy thì có cơ quan tối cao là *Quốc dân chính-phủ ủy viên hội*. Đứng đầu mỗi viện có vị Viện Trưởng, và đứng đầu dân quốc chính-phủ ủy viên hội là vị Chủ-Tịch quốc dân chính-phủ.

Quốc Dân Đảng, hiện nay thấy mặt Quốc Dân được sử vị Chủ-Tịch quốc dân chính-phủ, các vị

ủy viên của Quốc dân chính-phủ ủy viên hội, và các vị viện trưởng và phó viện trưởng của năm viện.

Còn các Bộ Trưởng (tức là thượng thư) và các ủy viên có chân trong các viện đều do Chủ-Tịch chính-phủ nhiệm miễn.

Quyền hành của vị Chủ-Tịch, của Quốc dân chính-phủ ủy viên hội, và của năm viện đều định rõ trong đạo « *Quốc dân chính-phủ tổ-chức pháp* » từ điều 11 đến điều 51.

Đó là đại lược hiến pháp Trung Quốc trong thời huấn chính. Trong thời kỳ này Quốc Dân Đảng hướng dẫn quốc dân, tới khi trình độ dân trí khá cao, thì sẽ triệu tập đại biểu của toàn quốc để lập hiến pháp chính thức.

Đến nam Dân Quốc 24 (1935) toàn quốc đại hội của Quốc dân đảng đã ưng chuẩn một bản dự án hiến pháp chính thức bản dự án này đại khái dựa vào bản « *huấn chính thời kỳ ước pháp* » và đạo « *chính phủ tổ-chức pháp* ». Vậy cũng không có gì là mới lạ. Vả chăng từ 1936 giờ đi chính-trị Trung-Quốc có nhiều sự biến đổi, vấn đề binh bị và ngoại giao vượt lên một địa vị tối quan trọng, khiến vấn đề hiến pháp tạm phải gác ra bên. Cho nên đối với ta, đứng về phương diện hiến pháp thì thời kỳ huấn chính thí-nghiệm hiến pháp từ 1928 tới 1935 là thời kỳ quan trọng nhất, có nhiều điều kinh nghiệm hữu dụng, và thể tài chính trị có giá trị nhất vẫn là đạo « *huấn chính thời kỳ ước pháp* » cùng với bản « *kiến quốc đại cương* » và đạo « *chính phủ tổ chức pháp* » đã kể trên.

Hiến pháp Trung-hoa xét theo những tài liệu ấy, có những đặc tính gì, và nguồn gốc những đặc tính ấy ở đâu ?

Giá lời câu ấy, xin dẫn mấy câu trích trong một bài diễn văn của ông Hồ-Hán-Dân đọc vào lễ khai mạc Lập Pháp Viện : « Những quan niệm (chính trị) này thuộc về một nền văn-minh mới ; hợp với những nhu cầu mới và dự bị áp dụng tương lai. Vì thế mà so với những tư tưởng chính trị đã có sẵn (ở Trung quốc) từ trước đến nay thì quan niệm này khác hẳn vì tư tưởng chính trị trước chỉ phỏng theo gương đời thượng cổ. Pháp luật và lễ nghi thừa trước chỉ bảo vệ một người và một chế độ, pháp luật mới bây giờ bảo vệ tất cả quốc dân. Pháp luật lễ nghi xưa chỉ trọng gia đình và nông nghiệp, còn quan niệm của Tổng lý và của đảng ta bây giờ điều hòa tất cả các ngành sinh hoạt trong cuộc đồng lao cộng tác của xã hội..... »

Vậy thì quan niệm chính trị của Trung quốc ngày nay khác quan niệm ngày xưa. Nhưng phải chăng là hoàn toàn mượn của các nước Âu-mỹ ? xin đọc đoạn kết luận bài diễn văn của Hồ : « Ai không biết Tam Dân Chủ Nghĩa thì tưởng rằng, Trung quốc ta phải bắt chước Âu-mỹ để xây dựng chính thể của ta. Nhưng thế thật là nhảm ! »

Nói tóm lại, tiếp xúc với văn minh Âu-mỹ, tư tưởng chính trị của Trung quốc có *canh tân* nhưng *không vong bản*, cho nên muốn thấy nguồn gốc của hiến pháp Trung-Hoa, không những phải tìm ở các chính thể Âu-mỹ, mà còn phải tìm ở *nền móng văn minh cổ lai của Trung-quốc* và những *sự nhu cần hiện tại của nhân dân*.

Dưới đây, ta sẽ lần lượt xét những đặc tính do văn minh xưa để lại nhưng đặc tính do nhu cần hiện tại nên, và những tư tưởng mượn của chính thể tối tân của văn minh Âu-mỹ.

*

DI TÍCH CỰU QUÊ

Với cuộc cách mệnh Tân hợi Thanh Triều đổ, Dân quốc lập, phong trào « chuộng mới » đã lên đèn tốt đẹp ở Trung Quốc cũng như ở nhiều nước khác ở Viễn Đông, phong trào « bắt chước Âu Mỹ » thịnh hành được một thời kỳ, rồi theo sau ngay một phong trào phản-động « hồi cổ ». Từ nam Tân Hối (1911) tư tưởng chính trị Trung Hoa, đã dần dần xoay chiều, sự tin ngả nghiêng

sự sùng bái văn minh Âu Mỹ đã bắt đầu dè dặt. Người ta vẫn kính, vẫn tin, nhưng người ta không bông bột ham chuộng như lúc mới biết. Huống chi hơn mười lăm năm (1911 = 1928) hỗn-độn tuy không phải tại văn minh Âu Mỹ nhưng cũng làm cho người ta ngờ vực những phương pháp triệt để.

Ấy chính ở giữa tình trạng tâm lý ấy mà hiến pháp Trung Hoa đã phôi thai.

Văn sĩ Thịnh Thành, trong quyển « *Trung Quốc cách mệnh trùng chi mẫu tử* » xuất bản năm 1930 (hiến pháp Trung Hoa ban bố năm 1931) có viết : « Phải một thế kỷ người Trung Hoa mới nhận rõ chân giá của văn minh thái tây và cuộc tiến hóa có trình độ, có thứ bậc của nó. Phải vài thế kỷ thiếu niên mới có thể đặt đúng hai bánh vào một trục ; phải có những sinh viên đến tận nơi ở các « công trường chế tạo » văn minh thái tây để lột lần áo rách khoác những pho tượng đẹp mới biết rõ bộ mặt của Âu Tây kỷ thực cũng không khác mấy Á đông. »

Ngô Kinh Hùng, trong một bài bàn về liên lạc giữa Tam dân chủ nghĩa và pháp luật, có nói : « Pháp luật phải phát huy tinh thần của dân tộc. Ở thế giới, mỗi nước, dân tộc có đặc tính của mình. Có tính xấu nên hết sức cải cách, có tính hay nên hết sức bảo thủ, vun giồng để cho khai hoa kết quả cho được vạn tia nghìn hồng... chứ có nhất luật bỏ đặc tính của mình mà nô lệ bắt chước người. Nói đến đây chắc các ngài hỏi tôi : thế đặc tính tốt xấu của ta là gì ? Tôi xin giả nhời : là « *đạo trung hòa* ». Vì tính trung hòa này, ta có dịp bàn trong bài này và sẽ nói đến ảnh hưởng của nó vì pháp luật và hiến pháp.

Bàn về chế độ đại nghị, Sở Khad, trong báo *Tân Sinh Hoạt* có viết : « Trong hội cách mệnh Tân Hối, trong đảng ta (Quốc Dân Đảng) ai cũng nghĩ rằng muốn cải cách chính-trị Trung Quốc thì chỉ cứ việc bắt chước Âu-Mỹ là vì lúc bấy giờ họ cho rằng chính thể Âu Mỹ là mẫu mực duy nhất tuyệt hay trên thế giới. Như thế là quan sát không đúng. Những chế độ thi hành ở Âu-Mỹ có khi có kết quả hay mà vị tất đã thích hợp với Trung-quốc, huống chi chế độ đại nghị ngay ở Âu-Mỹ thi hành đã hơn trăm năm có nhiều điều khuyết điểm chính các nước Âu-Mỹ cũng mượn

đi tới. Nếu nó biến lại theo, thì chẳng hóa ra làm to làm sao ? »

Những chính kiến dẫn trên, biểu thị xu hướng tư tưởng chính trị trong lúc hiến pháp Trung-Hoa thành lập.

Thật ra xu hướng ấy không có gì là mới lạ, chính Tôn Văn lúc sinh thời cũng đã tỏ ý dè dặt với chính thể Âu Mỹ, và lưu ý đến *hoàn cảnh lịch sử và địa phương*. Tiên sinh có nói : « *Mấy nghìn năm nay dân tình phong thổ tập quán của Trung Quốc không giống Âu Mỹ. Đã không giống nhau thì cố nhiên chế độ chính trị cũng không thể giống nhau được, cho nên không thể hoàn toàn bắt chước Âu Mỹ được.* »

Hiến pháp phôi thai giữa xu hướng chính trị ấy, một xu hướng chung của Quốc Dân đảng từ Đảng Trưởng là Tôn Văn cho đến những chính khách và văn gia hậu sinh, lẽ cố nhiên ta phải thấy trong hiến pháp những đặc tính « *cổ lai* » của dân tộc Trung Hoa mà nhà lập hiến muốn bảo thủ để có thể « *khai hoa kết quả và sinh ra muôn tía ngàn hồng* ». Những đặc tính ấy là gì ?

Ít ra ta cũng nhận được hai di tích của cựu chế trong hiến pháp lâm thời : là *giám sát quyền* với *khảo thí quyền* được đặt ngang hàng với 3 quyền *hành chính, lập pháp và tư pháp*.

Ai cũng biết rằng ở các nước Âu Mỹ, thuyết phân quyền (*Séparation des pouvoirs*) là một thuyết rất quan trọng, được áp dụng trong nhiều hiến pháp. Như ở Bắc Mỹ, thì ba quyền hành chính, lập pháp và tư pháp phân rất rành mạch, còn ở các nước Âu Châu theo chính thể đại nghị, như Anh, Pháp, thì hành chính và lập pháp phân rõ ràng, còn quyền tư pháp tuy gọi là phân lập nhưng một phần lớn phụ thuộc vào hành chính. Ở các nước độc tài, 3 thứ quyền ấy hỗn hợp, và tập trung trong cơ quan độc đoán.

Nhưng đầu là đại nghị, đầu là độc tài hay đầu là chính thể Tổng thống ở các nước Âu Mỹ thì quyền chia làm ba, không có hai quyền khảo thí với Giám sát đặt riêng ngang hàng với mấy quyền kia.

Hiến pháp Trung Hoa có đặc điểm ấy là vì trong mấy nghìn năm cựu chế, hai quyền Khảo thí và giám sát đã giữ một địa vị quan trọng.

Quyền giám sát — Trong lịch sử Trung Quốc cơ quan giám sát có đã lâu Ngay từ đời Châu đã có chức Ngự sử Nhưng về thời ấy, Ngự sử không chuyên tài về việc giám sát theo Trình Canh Nghi trong bộ « *Pháp luật Đại từ thư* », thì bắt đầu từ đời Hậu Hán (thế kỷ thứ nhất sau T. C.) chức Ngự Sử mới chuyên nhiệm vụ dân hặc bách quan, và cơ quan gọi là *Ngự Sử Đài*. Cơ quan này, các đời sau vẫn giữ. Đời Tống Thụ, có chép : « *Ngự sử đại phu nhất nhân, chính nhi phẩm, chương dĩ hình pháp điển chương, cử chính bách quan tội ác* » » Tống sử cũng có chép ; « *Ngự sử Đài, chương cử sát quan tã, túc chính cương kỷ, đại sự tặc đình biện tiều sự tặc tẩu đàn* ». Đến đời Minh, nam Hồng vũ 14, Ngự sử Đài đổi tên là *Đô Sát Viện*. Nhiệm vụ vẫn là giám sát trăm quan, « *làm tai mắt của Thiên Tử* ». Đô Sát Viện gồm có nhiều nhân viên như : tả hữu Đô ngự sử, tả hữu Phó Đô Ngự sử, tả hữu Thiêm Đô Ngự sử, thập tam đạo Giám Sát Ngự Sử v. v... Nhà Thanh cũng theo cách tổ chức ấy.

Ngự sử là một chế độ chính trị có tiền trong lịch sử. Hậu thế còn ghi tên những bậc ngự sử trung trực, có can đảm dân hặc tà gian và can ngăn cả vua chúa. Xin kể đây một thí dụ lấy trong sử nhà Tây Tấn. Tấn Vũ Đế, là Tu Mã Viên sáng lập ra nhà Tây Tấn, là một ông vua có tài nhưng sau khi đã nhất thống được thiên hạ thì đam mê sắc dục mà mất chính quyền cho quốc trượng là Dương Tuấn. Một hôm Tết, lúc vua vừa tế xong lễ Nam Giao, nghỉ ngơi, nhân hỏi Lưu Nghi rằng : « *Kể trong các bậc đế vương nhà Hán, thì ta giống vị nào ?* » Lưu Nghi tâu : « *Bệ hạ giống vua Hoàn và vua Linh (là hai ông vua có tiếng xấu).* Vũ Đế đặt mình hỏi « *đến nỗi thế ư ?* » Lưu Nghi lại tiếp : « *vua Hoàn, vua Linh bán quan tước, để lấy tiền vào kho nhà nước, còn bệ hạ bán quan tước để lấy tiền làm tư phi, vậy thì bệ hạ lại còn tệ hơn Hoàn và Linh.* » Vua cả cười nói rằng : « *Nhưng ta hơn Hoàn, Linh, là vị Hoàn, Linh không có bày tôi nói thẳng như người.* »

Một chế độ có thanh danh như thế, lẽ cố nhiên những nhà lập pháp Trung Hoa không thể bỏ qua được, nhất là họ lại muốn điều hòa cũ với mới. Quyền giám sát trong hiến pháp Dân Quốc cũng được một địa vị xứng đáng, một trong 5

quyền tối cao của chính phủ. Quyền ấy giao cho *Giám Sát Viên*,

Giám Sát Viên gồm có một vị Viện Trưởng và một vị phó viện trưởng do Quốc Dân Đảng thay mặt Trung Hoa Dân Quốc, cử ra. Ngoài ra là những uỷ viên do Chủ tịch chính phủ nhiệm miễn.

Giám Sát Viên có hai nhiệm vụ chính: một là « *Đàn hạch* » hai là « *Thăm kẻ* »,

Thăm kẻ tức là xét đến sổ sách, những kế toán của các công sở. Về nhiệm vụ này thì Giám Sát Viên, hoặc giám sát Uỷ Viên cũng tương tự như những viên chức hay cơ quan coi việc giám sát sổ sách của các nước Âu Mỹ bây giờ. Đặc điểm của họ, là « *giám sát sổ sách* » chứ không phải « *giám sát viên chức* »,

Đàn hạch là chỉ trích, chỉ trích viên chức về tư cách về phẩm hạnh của họ. Đây mới thật là di tích cưu che của giám sát viện. Đặc điểm của cách giám sát này là *xét người*.

Giám Sát viện có quyền cử các uỷ viên đi giám sát các cơ quan và viên chức của chính phủ Trung ương và của chính phủ địa phương.

Khi một uỷ viên nhận thấy cần đàn hạch một viên chức nào thì Viện trưởng cử 3 uỷ viên lập một ban điều tra. Nếu ban điều tra ấy xét cần đàn hạch thì viện sẽ nghị phạt.

Làm nhiệm vụ giám sát của mình, các uỷ viên giám sát được độc lập, tự do tổ ý kiến của mình; họ không ngại sự hiềm thù vì có pháp luật bảo vệ, thí dụ như nếu ban điều tra không đồng ý với họ thì họ vẫn không có trách nhiệm gì. Nhưng có một điều, là hễ khi nào họ đã đàn hạch một viên chức nào, thì họ không thể tự ý, lại đổi ý kiến mà bỏ sự đàn hạch ấy đi được.

Đại khai nhiệm vụ và tổ chức giám sát viện là thế này ta hãy xét giá trị cơ quan ấy về phương diện thực tế.

Về nhiệm vụ thăm kẻ, ai cũng phải công nhận rằng cơ quan giám sát rất cần. Với văn minh hiện đại sự chi tiêu rất phức tạp, sổ sách rất nhiều, lẽ cố nhiên nên tránh khỏi sự nhầm lẫn, sự nhầm lẫn lại hại cho một cơ quan riêng để khảo sát.

Nhưng cơ quan ấy có cần phải có một quyền tối cao, ngang hàng với quyền hành chính và quyền lập pháp không?

Như ở các nước văn minh hiện tại, cơ quan giám sát chỉ là một thuộc chi của quyền hành chính. Cách tổ chức hợp quyền như thế có một điều lợi: là những viên thanh tra đều có kinh nghiệm về việc hành chính, đã từng làm nhiệm vụ hành chính, thì giám sát những công việc hành chính được dễ dàng và nhất là dễ thấu được những chân tình của sự vật; vì đó mà sự thưởng phạt được công minh. Một điều lợi nữa là giữ cho quyền hành chính được đủ mạnh mà tiến hành công việc, vì đặt quyền giám sát làm một quyền độc lập tức là giảm quyền hành chính, bỏ buộc quyền hành chính vào một trở lực nó làm trì hoãn nhiều công việc.

Hoặc có người nghĩ rằng đặt riêng quyền giám sát là cốt để cho sự giám sát được công hiệu, vì nếu chỉ phối cơ quan giám sát vào quyền hành chính thì giám sát quan không đủ quyền lực, không được tự do mà làm đầy đủ bổn phận của mình.

Muốn giải quyết sự phân vân ấy ta nên nhớ rằng nếu muốn kiểm thúc một cách có công hiệu cơ quan hành chính, thì đặt riêng quyền lập pháp ngang hàng cũng đủ rồi. Sự kiểm thúc sự giám sát gián tiếp đã do cơ quan Lập Pháp đảm nhận. Mà kỳ thực ở các nước theo chính thể đại-nghị chỉ có hai quyền ngang hàng, hành chính và lập pháp, thì thường thường nghị viện vẫn có những tiểu ban chuyên môn; hữu thời, có một công việc gì quan trọng, tiểu ban có quyền điều tra công việc của chính phủ; và nhất là về tài chính, ngân sách, thì nghị viện bao giờ cũng có một ban chuyên môn luôn luôn can thiệp, giám sát công việc của quyền hành chính. Vậy há tất phải cần lập riêng một cơ quan giám sát độc lập. Ông Mai Tư Bình, trong báo « *Tán Sinh Mệnh* » đã trông rõ nhược điểm ấy của « *Ngũ Quyền Hiến Pháp* » nên đã viết rằng: «... Ý nghĩa, tinh thần của quan niệm « *Tam Quyền Phân Lập* » là chính vụ ở sự *giám sát lẫn nhau* của quyền nọ đối với quyền kia. Bây giờ mà lại thêm biệt lập một quyền giám sát nữa, thì có khác gì về bản thêm chân không?»

Hướng chỉ ở thế giới bây giờ, quan-niệm phân quyền càng ngày càng bị chỉ trích, tam quyền

(Xem tiếp trang 22)

BỆNH ĐAU MẮT HỌT tại làng Khu'ong-ha

VŨ VĂN CẦN

Năm 1917, trong một bài điều-tra về bệnh đau mắt hột nhà nhân-khoa chuyên-môn, bác-sỹ CASAUX, gọi xứ Đông-dương là « XU' ĐAU MẮT HỘT » (1). Nói như vậy kẻ cũng không quá đáng, vì theo như bản điều-tra của ông thì có tới 50-1 hay 60-1 dân Việt-Nam bị đau mắt hột. Ngoài ra ông lại cho ta biết rằng trong 100 người mù ở xứ này có tới 50 người do bệnh đau mắt hột mà ra.

Mười năm sau một nhân-khoa y-sỹ khác, ông BARGY vẫn nhận thấy rằng « bệnh đau mắt hột rất ra người Việt-Nam, có rất ít nơi dưới 30-1 còn phần nhiều là trên 90-1 dân bị mắc bệnh này cả » (2).

Từ bấy đến nay những công cuộc mở mang dân-trí những sự tiến-bộ trong cuộc sinh-hoạt ở xứ ta, đã có những ảnh hưởng gì đến một bệnh xã-hội như bệnh đau mắt hột này ? Vì luôn luôn tự hỏi như vậy và muốn biết rõ hiện tình bệnh ấy ở xung quanh ta, nên vừa đây chúng tôi có tổ chức một cuộc điều-tra tại một làng gần Hà-nội.

Chúng tôi đã chọn-làng Khu'ong-Hạ. Chọn như vậy cũng không có một lẽ gì đặc-biệt, chẳng qua vì anh em sinh-viên có lập trại Thanh-niên, và ban Truyền-bá vệ-sinh có lập một phòng khám bệnh ở đấy, nên việc điều-tra được dễ dàng và thuận-tiện.

Trong hơn một tháng chúng tôi đã đi từng nhà khám từng người, và đã khám được 202 gia-đình gồm có 908 người. Trong số đó có 790 người đau mắt hột, tính ra 87-1.

(1) Casaux — Au pays du trachome — Revue de la Société médico-chirurgicale de l'Indochine — Juin 1917.

(2) Bary — Note le sur le trachome en Indochine Clinique ophtalmologique, Avril 1927.

100 người mà chỉ còn 13 người mắt lành. Bản điều-tra còn cho ta biết rằng trong 202 gia-đình chỉ có một gia-đình là toàn vẹn còn các gia-đình khác ít nhất cũng có hai người bị đau mắt. Nếu ta biết rằng bệnh đau mắt hột là một bệnh lây hay lây, và cách ăn ở trong các gia-đình này hỗn độn và thiếu vệ-sinh là thế nào, thì tự sẽ lo, cho tương-lai của 13 phần trăm còn lại kia.

Vẫn theo cuộc điều-tra của chúng tôi này trong số bệnh-nhân khám có rất nhiều người đã bị các biến-hứng của bệnh đau mắt hột tàn hại.

60-1 có lông quặm.

40-1 đau màng kính.

2-1 lòa.

Đó là những biến chứng thông thường nhất.

Tuy mắt có lông quặm là một sự khó chịu và nhức buốt cho bệnh-nhân vô cùng, song người dân quê Việt-Nam rất nhẫn-nại và rất ham công tiếc việc, nên không mấy khi nghĩ đến việc chữa chày cả. Khi nào đau đến màng kính (3), mắt mờ, đau đờn lắm mới chịu chữa. Một cách thông thường nhất là lấy díp nhỏ hết những chiếc lông quặm. Song díp chỉ là tạm-thời, rồi được ít lâu lông quặm lại mọc. Muốn cho được lâu hơn họ dùng cách cặp mí mắt. Lối cặp mắt này có đã từ lâu. Trong sách NHẮN KHOA NGẮN HẢI TINH của TÔN TỬ MẠC đời nhà Tống đã có chép, và được truyền tụng khắp mọi nơi trong xứ ta nhất là ở Bắc-Kỳ. Thầy lang lấy hai chiếc que nửa cặp miếng da trên mí mắt dùng chỉ buộc hai đầu lại, nhu cặp chặt. Để dăm hôm miếng da bị cặp thối dần và rụng đi. Khi bỏ que nửa ra trên mí mắt thành một vết thương loét mủ. Người nào lạnh da thì dăm ba hôm người nào dữ da một hai

(3) Cornée transparente.

tháng mới thành sẹo. Khi thành sẹo đã co lại kéo viền mí mắt lên. Lòng quặm cũng theo lên mà không đảm vào mắt nữa.

Nhưng chỉ trong một độ năm mười tháng hay một năm da mắt lại chảy xuống và lòng quặm lại mọc ra như trước. Đó là chưa kể những biến chứng của vết thương loét mủ của da mắt bị cấp và dễ dẫn có thể làm cho mí mắt bị thối nát và những sẹo sùi sùi về sau mất hết vẻ mỹ quan. Thật đáng áy náy cho một vài cô thôn nữ ốm đang thuê cặp mắt cho đẹp ai ngờ tiền mất tật còn lại đeo thêm mấy cái sẹo vô cùng xấu xí. Thế mà phần đông dân quê ta đều cặp như thế cả. Ở Khương-Hạ có một ông lang chuyên đi cặp lòng quặm. Khi gặp chúng tôi ông rất hoan-hỷ và bảo chúng tôi rằng: «Ấy người làng này một tay tôi cặp cả đấy.» Đứng ra ông phải nói: «Chính tôi là thủ phạm» mới phải. Ông không ngờ rằng một tay ông đã làm hư hỏng bao nhiêu con mắt. Và ông cũng không ngờ rằng theo phương-pháp y-học mới cắt lòng quặm không những được vĩnh viễn lại còn vừa chóng khỏi vừa đẹp hơn. Các người cắt song không những là không ai biết là mình có lòng quặm mà không còn ai biết là mình có bị mờ nữa. Cái sẹo còn tí nhứt đường chỉ lại lẩn vào trong đường viền của da mắt còn ai nhìn thấy gì nữa đâu. Ở Khương-Hạ sau làm quặm ráo hết sửa chúng tôi đã đưa đợc mấy người ra nhà thương cắt lòng quặm. Cái kết quả không ngờ làm cho dân quê như tỉnh giấc mộng. Và từ đấy không người nào không có người xin đi cắt lòng quặm. Tiếc rằng nhà thương không bao giờ có đủ chỗ để chữa hết bệnh nhân nên có nhiều khi không thể chữa lòng được hết cả mọi người. Vì vậy ở nhà thương chữa mắt Giốc hàng gài, từ ngày khai lập, tuy đã mở được hai vạn rưỡi người có lòng quặm, nhưng nào đã thấm vào đâu với cái tỷ số 60-1.

Ngoài chứng lòng quặm, loét mắt, và đau màng kính cũng là những biến chứng thông thường của bệnh đau mắt hột.

Khi màng kính đã đau, nếu không chữa ngay, màng mỏng kéo lên dần dần làm cho mất một ngày một mờ, rồi lòa hẳn. Thế mà số những người đau màng kính có tới 40-1. Và những người đã lòa hẳn có tới 2-1.

Nếu tổng cộng các số bệnh nhân ta sẽ thấy như sau này :

Dân số làng Khương-Hạ :	hơn 1000.
Số người khảm mắt :	908.
Số người đau mắt hột :	790.
Số người có lòng quặm :	471.
Số người đau màng kính :	316.
Số người lòa :	14.

Đó là hiện tình bệnh đau mắt hột tại làng Khương-Hạ, một làng ở ngay châu thành Hà-nội.

Nếu đem so với những con số của ông Casaux cách đây ngót 30 năm thì ở Khương-Hạ số người đau mắt hột đã tăng lên. Hay ta có thể ngờ rằng cuộc điều tra của ông chưa được triệt để. Vì ông căn cứ vào những số bệnh đến để ông xem mà ông quên rằng còn một số nữa cũng khá quan hệ đã trốn tránh không muốn ra mắt.

Nếu so với những con số của ông Bary' thì làng Khương-Hạ vẫn còn liệt vào những nơi nhiều bệnh nhân nhất nghĩa là sắp si 90-1.

Làng Khương-Hạ về ph.rong diện vệ-sinh kể cũng đã vào hạng khá trong các làng ở Bắc-kỳ. Đường đi trồng các ngô đều xây lát cả. Nhà gạch san sát nhà nào cũng có sân gạch bề bộn, nhà ở cũng quang đãng cao ráo. Tuy vậy số nhà tranh vách đất vẫn là chiếm đủ đa số. Vốn là một làng buôn bán và làm thợ nhiều hơn là làm ruộng, nên xem ra dân-số cũng phong phú hơn nhiều làng khác. Đáng lý ra thì trong một làng như vậy bệnh đau mắt hột phải ít mới phải. Nhưng sự thật bệnh đau mắt hột không chỉ là bệnh của người nghèo khổ mà là bệnh của bần-thú và thiếu vệ-sinh. Thế mà thiếu vệ-sinh thì đã ăn sâu vào đời sống của dân quê, đã thành một tập tục muốn đời đời lại. Muốn cải cách thật là một vấn đề đầy trở ngại. Đó là cả một phương-pháp tuyên-truyền và giáo-dục về vệ-sinh nhưng đó cũng không phải là những trở lực không thể thắng được, nếu ta quyết lòng đi đến chỗ thành công.

VŨ VĂN CẦN

Ô-TỔ NỤ LÌU...

CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH
SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI
BỎ 1 \$ 00 MUA
VỀ SỞ SỞ ĐÔNG - PHÁP

MAU SẮC

MAI ANH

Sắc sắc không không.

Tim được cái quyền dữ của nơi trần tục, có lẽ chỉ có Đạo Phật thâm trầm. Thế-giới sa bà này sở dĩ làm cho con người lưu luyến chưa giác-ngộ, ấy cũng vì màu sắc. Lộng lẫy của hoàng-hôn tươi thắm của cây cỏ, hoa lá, phơn phớt của má đào đủ giữ một gã thanh-niên trên vực buồn chán.

Màu sắc đã là phép thuật màu nhiệm nhất của ma-vương, thì ở đâu mà có, tại sao mà có, tình chất ra sao ?

Có nhà bác-học đã quả quyết rằng, lúc khởi thủy, giống người chỉ biết phân biệt có sáng với tối mà chưa nhận rõ được màu sắc, phải tiến hóa bao nhiêu triệu năm nay con mắt mới thuởng-phức nổi vẻ đẹp của một cảnh ác-tà. Chứng cứ là có những kẻ mắc một bệnh lạ lùng : bệnh loạn sắc. Người có bệnh hoặc không phân biệt nổi màu xanh da giời với màu tím, hoặc không phân biệt nổi màu đỏ với màu xanh, màu xanh với màu vàng.... Đừng tưởng người có tật biết ngay là mình có tật. Nhà lý-hóa-học Dalton người Anh, một hôm đương giờ học, chỉ một bông hoa hồng mà bảo học trò rằng hoa màu xanh, làm cho học trò đều phải mỉm cười. Thì ra tiên-sinh không phân biệt nổi màu hồng với màu xanh nhạt mà chỉ nhìn rõ có màu vàng và màu xanh da giời. Bệnh loạn-sắc có lẽ gia truyền, thường trong một nhà có nhiều người cùng mắc. Người ta lại nghiệm rằng cứ mười tám người thì tất có một người bị, tuy là bị nhẹ, mà đàn bà thì ít khi mắc phải, có lẽ là tại họ thường phải chọn màu áo cùng nhiều phần. Muốn tạm thời mắc bệnh cũng chẳng khó. Chỉ việc đeo chiếc kính đỏ độ một giờ đồng hồ, lúc bỏ ra, màu đỏ không trông thấy nữa, mà chỉ còn trông rõ màu vàng với màu xanh da giời.

Nhà bác học trên kia vào vào đó mà bảo rằng người mắc bệnh loạn-sắc là những giống còn sót lại của đời xưa, lúc nó là loài ngừi chưa phân nổi

các màu. Lý-thuyết kể thật hằm hồ. Loài vật cũng còn phân biệt nổi sắc màu thì tại sao giống người lại không ? Kì lạ kể những sự vật tinh khôn như chó, ngựa, voi, ong, ngay đến loài chim, lam loại, con cái dơi con đực thay lông đủ các màu rồi mới chịu giao hợp, hay như một vật thuộc loài bò-sát, con *cameleon*, có thể luôn luôn thay đổi màu da để cho giống với màu các vật quanh mình (trong một tiếng đồng hồ nó có thể chuyển từ xanh thắm qua đỏ, vàng tới nâu thẫm, tất cả 23 màu).

Vậy thì cái câu truyện người thượng-cổ không biết phân biệt màu sắc ta chưa có thể can cứ vào đâu mà quyết đoán được rằng có hay không. Có một điều : Nhận xét màu sắc có thể nhờ giáo-dục mà tinh-vi hơn lên được. Các người thợ làm ở xưởng *Gobelins* bên Pháp, chuyên chọn các sợi len màu để dệt những tấm thảm lớn quý giá vô chừng, có thể phân biệt nhưng màu chỉ khác nhau, phơn phớt một chút, mà người thường không thể nào thấy nổi. Vì thế nên ngày nay trong các loi giáo-dục con trẻ, như loi của nữ bác-sỹ *Y Montessori* chẳng hạn, phân biệt màu sắc là một môn dạy rất được chú ý.

Phân biệt màu sắc cho thật tinh vi, đa khó khăn như thế, thì người ta có thể dùng các phương pháp khoa-học để định rõ tất cả các màu trong giới đất không ? Nhiều nhà bác-học cũng đã ban khoan tự hỏi như vậy. Họ đã lập thành những bảng kê các màu họ tìm ra được. *Chevreul*, *O-N. Rood* tìm ra được tới 720 màu khác nhau. Nhưng 720 màu đó, ai cũng công nhận là không thể sao tả hết được các vật ở thế-gian. Tạo-hoa vẫn có nhiều phương-tiện hơn loài người, chế hóa các màu sắc tinh xảo vô cùng khiến cho có những màu sấm nhạt của vân gỗ mới bảo, những màu xanh phơn phớt hay đậm đà của một bụi cây, mà nhà lý hóa học không biết liệt vào đâu.

Thuần-tiện tinh xảo nhất của đáng Tạo-hóa ấy chính là ánh sáng.

lên một nền đen thì lọt đỏ hóa xanh nhạt. Ấy cũng là vì ánh sáng trắng bị phản ra vậy.

Ngay đến lần không khi bao bọc quả đất cũng có nhiều mảnh vụn rất nhỏ. Bị ánh nắng chiếu vào, nó phản chiếu tia xanh lơ lên. Màu xanh ấy nhìn rất rõ vì quầng không làm nền, tối đen hẳn. Cho nên giới mới hoá ra xanh ngắt. Miền nào mưa ít mảnh vụn càng nhiều giới lại càng xanh.

Ngoài màu xanh đó còn nhiều màu khác nữa nhưng phải lúc chiều tà mới nhìn rõ vì ánh sáng nhạt đi: Các màu của hoàng hôn là những màu vàng, da cam, đỏ, đỏ sẫm, xanh tím và xanh sẫm.

Các thứ kính màu cũng hấp thụ mất một phần tia sáng. Mảnh kính xanh chẳng hạn chỉ để lọt có tia xanh còn hút hết các tia khác. Nhưng màu kính cũng tùy kính dày, mỏng. Một mảnh kính vàng cũng để lọt ánh sáng vàng, nhưng nếu chụp nhiều mảnh lại thì ánh-sáng lại đỏ sẫm.

Cũng vì hiện-tượng hấp thụ, mà người ta lại có thể giảng được màu sắc của các vải vóc. Ánh sáng chiếu vào vải, một phần bị phản chiếu lên, làm cho vải thành có màu sắc, một phần bị lớp dưới nhất hút đi mất. Lại có một phần nhỏ nữa bị các ngọn sợi phản- chiếu lại, nguyên vẹn màu trắng. Nếu các sợi mà song hàng tắp tắp thì ánh-sáng trắng bị phản chiếu càng nhiều mà vải càng bóng nhoáng, Vải len vì thể không bóng mà lụa thì bóng. Mờ nhất là vải bông.

Mùi nhưng đẹp nhất bởi vì mặt nhưng toàn đầu sợi, không phản- chiếu được, bao nhiêu ánh sáng trên mặt đều không có, chỉ có những tia đã lọt qua các sợi dựng đứng bật chiếu ra mà thôi. Những tia đó màu sắc đậm đà vì không bị ánh sáng trắng làm mờ đi.

Màu sắc của các kim-khí cũng vậy. Một phần ánh-sáng trắng bị phản- chiếu lên nguyên vẹn, nhưng lại có một phần vào sâu trong chất kim rồi mới lần lần chiếu lên, làm cho kim-khí có màu.

Màu sắc không những thay đổi vì các lẽ trên kia mà lại có khi thay đổi vì bị chọn lẫn. Muốn chọn hai màu, người ta có thể hoặc dùng các màu của nhà họa-sĩ, hoặc chiếu hai tia sáng khác màu cùng vào một chỗ. Nhưng hai cách ấy lại có hai kết-quả khác nhau. Chọn màu vàng và màu lơ của họa-sĩ vào với nhau, màu mới là màu xanh. Nhưng

chọn một tia vàng với một tia lơ thì lại thành tia trắng.

Có nhiều màu trộn với nhau thành trắng như thế: đỏ với xanh pha lơ, da cam với xanh lơ, vàng với lơ thắm, vàng hơi pha xanh với tím.

Các nhà họa-sĩ khéo lợi dụng sự pha màu để tả ánh-sáng. Nhưng đáng nhẽ pha thẳng vào với nhau thì màu ít khi trong đẹp, họ dùng một lối riêng xếp đặt hai màu cạnh nhau thành từng chấm nhỏ, khách xem tranh chỉ việc đứng xa vừa tầm là tự mắt mình chọn lấy hai màu. Cách đó thường dùng để tả những trời xa sáng sửa.

Tạo-hóa cũng thường dùng lối ấy để pha màu. Bóng xanh râm của lá cây nhìn xa xa lẫn với màu nâu đỏ của cành. Thành ra toàn cây màu sắc có vẻ dịu-dàng. Lại lúc hoàng-hôn mọi vật đều vừa có ánh trời xanh với ánh tím, da cam, đỏ của tà-dương chiếu vào, màu sắc thật là linh-động.

Màu sắc bị cỗi ánh-sáng màu chiếu vào thay đổi hẳn. Ánh sáng đỏ chiếu vào vật xanh thành màu vàng, vào tím thành đỏ xẫm, vào đen thay đỏ sẫm. Ánh sáng xanh chiếu vào đỏ thành vàng, vào tím thành lơ. Vì thế nên dưới ánh đèn màu sắc thay đổi hẳn vì ngọn lửa đèn không chiếu ra ánh sáng trắng mà ánh sáng vàng. Cho nên ở rạp hát quần áo lông lấy khác thường nhất là màu đỏ lông lán hơn mà màu vàng thì nhợt đến gần trắng màu tím thành ra đỏ mà màu xanh càng đẹp.

Ta lại còn có thể thay đổi màu sắc bằng cách đối chiếu. Màu lơ chẳng hạn để vào nền xanh thì mờ xấu mà để vào nền vàng thì nổi bật lên, vừa sáng vừa tươi. Màu đỏ để cạnh màu da cam thành đỏ thắm. Vàng để cạnh đỏ thành xanh nhạt. Đỏ cạnh lơ thành da cam. Lơ cạnh da cam thành lông lán. Da cam cạnh tím thành vàng nhạt. Tím cạnh xanh thành đỏ xẫm...

Có màu thì dễ khá cạnh màu mất tươi trong rất hẳn. Có màu thì nhờ đó mà đẹp, thêm. Nhà họa-sĩ có tài là biết khéo chọn những màu đối chiếu.

Chính những màu trong yá tươi, đậm để cạnh nhau lại không có kết-quả bằng những

màu nhạt tới. Một ít sẫm về các góc mĩng đỏ to. Chàng có chi là đặc - biệt - hình rầu đem một tờ giấy bóng cũng trắng để lên trên thì màu xám thành lơ lẩn xanh nhạt mà đỏ với xám nổi bật hẳn lên. Nếu màu xám để cạnh xanh tại cũng phủ giấy bóng trắng thì màu xám thành đỏ nhò, nổi lên.

Người ta đã nghiệm ra rằng đỏ, da cam với vàng đối với xám thắm hơn một chút nổi bật hẳn lên. Xanh, lơ, tím, đỏ, hồng lại phải có màu xám nhạt hẳn mới nổi.

Muốn cho màu nào trội hơn thì phải để cho màu đó nhiều hơn màu kia.

Các nhà họa-sĩ thường dùng cách ấy để vẽ : một màu nhạt để cạnh màu tươi thắm không nhìn rõ nhưng làm cho ta có cảm-giác rằng chỗ đó sáng loáng

Các bà chọn áo cũng cần để ý đến chỗ đó. Hai mảnh áo đồng màu mà một cái nhạt hơn nhiều thì cái nhạt trông hẳn lạ lùng. Đỏ trên nền trắng thắm hơn, trên nền đen hóa ra màu da cam và tươi hẳn lên. Màu vàng trên nền trắng thắm lại, trên nền đen lộng lẫy ra. Nền đen lúc đỏ thành hơi xanh. Vàng thắm trên nền trắng lại hóa ra nâu. Vàng với sẫm hay đen ấy là êm dịu nhất.

Màu xanh trên nền trắng đẹp hẳn lên, trên nền đen thì kém sút.

Thế thì những màu nào ăn với nhau ? Các nhà bác-học đã cố sức xếp đặt những màu

có thể đi đôi với nhau : đỏ sẫm với lơ lơ với vàng nâu sẫm, xanh nước với tím, vàng với đỏ tía. Còn những đôi ô-hợp xấu xa thì nhiều : tím với đỏ, xanh nước bề với đỏ, vàng với đỏ, vàng với xanh lơ v. v. .

Nhưng cũng tùy, có chỗ hai màu không ăn ý lại có thể đề được là nhờ có hình hay ánh sáng đỡ đầu cho.

Các nhà họa sĩ trong một bức tranh thường chỉ dùng có mấy màu phát định, như màu đỏ sẫm, xanh, lơ, tím của các họa phái nước Ý. Điều hoà thật ít màu sắc trong bức tranh, ấy là một điểm đáng của họ. Tuy không có nhiều phương tiện bằng tạo-hoá, nhưng họ đã tạo cho chúng ta một thế giới đẹp đẽ, luy hoàng. Những thế giới đó tuy đầy dẫy trong giới đất, nhưng vụng vãi ra bốn phương, lẫn lộn trong những xấu xa người phạm nào ai để ý đến, nào ai thưởng thức nổi. Họa sĩ chính là kẻ có con mắt khác người biết thưởng thức cái khéo xếp đặt màu sắc của tạo hoá và lại muốn cho chúng ta cùng thưởng thức

Màu sắc ! Có phải đó là một lẽ yếu đời trong muôn nghìn lẽ khác. Và tôi thường tưởng tượng đến cái thế giới của những người đặc đạo sống trong toàn ánh sáng. Thế giới đó trong trời sáng sủa xa thẳm chỉ một màu trắng soá, không có một chút sắc nào. Nhưng thế-giới đó sẽ buồn thảm biết bao !

(Tài liệu của M. Boigeteley)

MAI ANH.

Đã có bán

TRIẾT HỌC ARISTOTE

của NGUYỄN ANH NGHĨA

15 Hết trong những công trình vĩ đại nhất của tư tưởng nhân loại. — Trải hơn hai nghìn năm đã được coi như kinh thánh trong học đường và giáo đường.

Giá : 3\$80

Sắp có bán

TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của Nguyễn Hưng Phấn

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

29, Lamblot — Hanoi

QUỐC-HỌC THU-XA

MỚI PHÁT HÀNH :

VIỆT HOA THÔNG SỬ .. giá 5\$00

SẮP PHÁT HÀNH :

Lược luận về PHỤ NỮ VIỆT NAM

Luận-Lý ĐU THUYẾT YẾU THUẬT

Lịch-sử BÁO CHÍ HOÀN CẦU

NGHỆ THUẬT VÀ DANH GIÁO

THU-TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN ĐỀ TÊN

M. LÊ VĂN HOÈ 16bis Tien Tsin Hanoi

LỚP DE NHI B

== NGUYỄN VAN CUA PITIGRILLI ==

HUYỀN KIỀU dịch

Lời giới thiệu :

Pitigrilli sinh ở Turin năm 1894, là một nhà văn nổi tiếng nhất, có danh vọng nhất trong các danh sĩ người Ý.

Những tác phẩm của ông, đoản thiên hoặc tiểu thuyết, mỗi kỳ xuất bản lên tới số 20 vạn quyển trong khi bên Ý những tập sách bán được sáu bảy nghìn đã là chạy lắm rồi. Thực là một kỷ lục trong hàng sách Ý. Tác phẩm của ông được dịch ra 21 thứ tiếng trong hầu khắp các nước trên hoàn-cầu.

T Pitigrilli là một nhà trào lộng rất khéo. Ông bao giờ cũng đứng xa cái lối trào phúng hạng ba lấy cách nói lối nói lóng lảm càn bản. Tiếng cười của ông bao giờ cũng có một ý tưởng triết lý thâm trầm làm khung cốt. Những tiếng cười ấy vừa vang âm, vừa chua chát, sẽ nói cho những thế hệ đến sau hiểu rằng những cử động của chúng ta thường đáng ái ngại, và đáng thương xót đến cực nào. Trước đây ít lâu, ông được Viện Hàn-lâm Trào Phúng Pháp bầu làm danh dự hội viên, đại-diễn cho lối văn trào lộng Ý

Lớp Đệ nhị B

Bất buộc phải triết hủ trong tủ sách của tôi tất cả những sách vô dụng để thế cho mấy tác phẩm khoa học mới phát hành và những tiểu thuyết tân thời cận đại phải tra cứu đến luôn, tôi tóm tắt cả các thi-sĩ vào một mớ và khiêng các ngải ấy xuống hầm rượu. Tủ sách không phải là một vật trang hoàng mà là một vật dụng có ích lợi hàng ngày, nó sẽ trở nên thuận tiện, nhanh nhẹn hơn nếu các ngải thi sĩ phiếm ngôn, luôn luôn muốn chiếm ghế danh dự, không có ở đây để làm tê liệt cả đi. Còn thiếu niên chúng ta đọc các thi-sĩ, còn

trẻ con chúng ta ai cũng có một cái xe đạp. Nhưng đứng tuổi rồi mà còn cứ tiếp tục đứng mãi những dụng cụ bỉ ổi của tư tưởng và của cách giao thông ấy thì quả là không hiểu ý nghĩa cuộc đời một tý nào. Đến một cái tuổi kia, một người đứng đắn phải bỏ xuống hẳn cái xe đạp, thì sĩ François Pétrarque và tất cả những đồ phụ tùng của họ.

Trong khi tôi đương thi hành cái việc bài trừ văn sách ấy, thì một tờ giấy hảo hạng, đầy kín một lối chữ viết xát nhau, có mấy nét bút chì xanh, từ những trang một quyển sách của thi sĩ Métastase rơi ra. Giấy có ký tên Pascal Palumbo

Pascal Palumbo !

Tôi nhớ lắm ! Tôi nhớ lắm ! Pascal Palumbo 1907, lớp đệ nhị B, mũi gầy, răng thưa, thừa sự đặc biệt, giỏi nhất lớp, đầy những kinh nghiệm và uyên bác học, lúc nào cũng sẵn sàng đề giả nhời Đức tôn sư rằng giống quần phượng thảo chia loại ra như thế nào, cái nguyên tác của Lavoisier về cách bảo tồn thể chất đọc ra làm sao, năm nào là năm vua Louis thập nhất bị lòi dom, nhà thi sĩ nổi danh Tartampin mất năm bao nhiêu tuổi, và trong bọn cùng học chúng tôi, ai là người đã bỏ những mảng đời sẩy vào trong lọ mực của đỉe lớn sư.

Pascal Palumbo, 1907 ! Tôi nhớ rõ cái tên ấy lắm ! Tôi nhớ rõ cái năm ấy lắm ! Thực là một năm buồn rầu cho tôi một phần cũng tại cái bài luận của Pascal Palumbo này, nó vừa lại rơi vào tay tôi, sau hai mươi năm giờ đây.

Ngày ấy, thầy giáo ra đầu bài thế này :

Đầu bài. — Một bức thư từ nước Đức gửi đến cho anh. Anh vốn không biết tiếng Đức, vậy anh viết thư cho một người bạn, nhờ dịch hộ cả thư kia.

Đầu bài ấy tôi tưởng là chẳng có gì khó. Tôi vẽ nháp, và tôi viết :

Bài làm. — Thưa bạn, tôi nhớ anh lắm ơn dịch bức thư này ra tiếng Ý cho tôi, cảm ơn anh và nhớ anh.

Hôm sau, tôi nộp bài.

Thầy giáo gọi tôi lên bàn giấy và bảo :

— Về cái bài luận của anh, nó chẳng ra một bài luận, tôi cho anh bốn điểm. Nhưng tôi cho anh một con « dê rô » về hạnh kiểm. Tôi đuổi anh ra khỏi trường trong một hạn là tám ngày, khi nào anh lại đến trường thì anh mời ông thân sinh ra anh dẫn anh đến đây !

Tám ngày sau sự lại tự trường của tôi cử hành với một cách trang trọng lắm. Tôi vẫn thích tin rằng những nhân viên giữ việc tiếp những tên tù mãn hạn còn đón chúng với một vẻ hân hoan hơn nhiều. Chính ông Hiệu trưởng tiếp cha tôi và tôi. Ông ta nhìn tôi như nhìn một con quái vật. Ông bảo tôi :

— Trong hơn mười năm làm việc học chính, tôi chưa bao giờ gặp một người học trò như anh.

Rồi ông quay sang phía cha tôi mà nói tiếp

— Chắc rằng ông không còn không biết cái đầu bài mà ông giáo đã ra ?...

Cha tôi dơ tay lên giới như chữ Y hoa mà thú nhận.

— Tôi biết ă, tôi biết ă !

Vị học quan vẫn một giọng nghiêm nghị :

— Chắc ông phải biết nữa rằng con ông đã tìm được cách làm cho xong bài với hai giòng chữ ?

Cha tôi lại lấy giáng chữ Y rồi để rơi tay xuống, dưới cân lực của sự nhớ nhuốc bất ngờ đè nén lên cả gia tộc mà thú nhận :

— Tôi biết ă. Tôi biết ă !

Ông Hiệu trưởng hỏi tôi :

— Vậy ra anh không nhận thấy rằng bài làm của anh ngắn hơn cả câu ra đầu bài sao ?

Tôi đánh bạo giả nhời.

— Thưa, tôi tưởng là đã nói tất cả những điều cần nói.

Ông Hiệu trưởng hét lên :

— Khốn nạn này ! Anh có nói qua một tý gì đâu. Thí dụ như cả đến cái công việc khổ sai mà anh tổng cho bạn anh làm anh cũng không nói đến.

— Nếu tôi tin rằng đó là một việc khổ sai to lớn đến thế thì tôi đã chẳng viết thư nhờ anh ta.

— Ông có nghe thấy cách giả nhời dẻo xược của nó không ?

Bấy giờ cha tôi phải can thiệp vào :

— Mày phải cố sức lễ phép với ông hiệu trưởng hơn lên một tý nữa ! Ở đây không phải là ở nhà mà mẹ mày để cho mày làm bất cứ những điều gì hiện trong đầu mày.

Ông hiệu trưởng nói tiếp :

— Trong cái thư anh viết cho bạn anh, anh cũng chẳng thêm đả động đến sự biết tiếng Đức của anh ta.

Tôi tin rằng cắt nghĩa như sau đây thật là phải lúc :

— Thưa, tôi tưởng rằng điều đó không cần. Nếu anh ta không biết tiếng Đức, thì tôi đã chẳng nhờ đến anh ta

Nhà giáo dục gầm lên :

— Ông nghe thấy đấy chứ ?

Cha tôi lại nói :

— Tao nhắc lại cho mày biết rằng mày phải lễ phép đối với những người trên, giặc bảo mày là mong cho mày khà.

— Anh cũng không nói rằng anh không biết tiếng Đức !

— Nếu tôi biết tiếng Đức thì tôi đã tự mình dịch lấy cái thư ấy rồi ! Thực là ngoại-biện quá.

Ông hiệu trưởng hét lên, với một cơn thịnh nộ đương tăng :

— Ông nghe nó nói gì đấy chứ ? Ngoại-biện !

Rồi ông ngừng lại và nói tiếp với giọng cam chịu nhện của một người có việc với một đứa bất trị :

— Thôi, bước ! Anh cố mà đeo thêm một ít chỉ vào cái bộ óc anh. Cố sức lên một tý may ra còn kịp đấy. Nếu không thì tôi chả biết anh sẽ kết quả ra sao : Thôi, anh đi về lớp.

Khi tôi về ăn cơm thì mẹ tôi đã biết rằng tôi nói « ngoại-biện » với ông hiệu trưởng. Hai hôm sau cả những người họ xa lắc xa lơ cũng biết tôi đã nói « ngoại-biện » !

Cha tôi tuyên bố với một giọng gằn gộc :

— Khi mà nó muốn gả cho những tội lỗi của nó một vẻ đĩnh ngộ thì cái gì đối với nó mà chẳng là ngoại-biện.

Rồi cả tôi nữa, tôi cũng đến đàm ra tin rằng cái việc đã nói « ngoại-biện » trước mặt ông hiệu trưởng là một điều thất thổ không thể tha thứ

được. Đến nỗi tôi phải tra trong tự vị xem ngoại diện có phải là một tội phạm kín hoặc là một bất tình không.

Mấy hôm sau ngày tôi lại được đi học thầy giáo mới bỏ vẻ lạnh nhạt mà sự im lặng thấy dường đối đãi với tôi dễ truyền lệnh :

— Lên đây mà đọc cho thật to bài làm của anh Pascal Palumbo (Pascal palumbo, người nhất lớp!)

Thầy lại nói tiếp :

Rồi anh sẽ học xem người ta phải làm bài như thế nào.

Bây giờ thì các anh khác chú ý mà nghe đây !

Tôi đứng giậy, cầm trong tay cái bài làm của anh Palumbo chính cái bài vừa tuốt ở một quyển sách của Métafise ra trong khi tôi sắp đặt lại tủ sách.

Trong lúc tôi đọc cái kiểu mẫu về cách hành văn ấy thì Pascal Palumbo, đây một vẻ kiêu ngạo sừng sững nhưng cũng đầy vẻ nhún nhặn đáng yêu, đang đi thăm địa thế, trong hai lỗ mũi của anh với cái đầu quân bút:

Thầy giáo lại dặn lại :

— Các anh chú ý mà nghe đây.

Và thầy truyền lệnh cho tôi đọc bài ấy, một lần thứ hai nữa.

Tôi lại lấy hết giọng mà đọc :

Dàn bài. — Thưa quý hữu, quý hữu là người có hạnh phúc được biết tiếng nói của Arminius, bởi vì cái tổ ấm của gia đình quý hữu ở ngay « gần sông Quarnaro rõ ràng nước Ý Đại Lợi và tấm Liên cương của nước ấy » đứng như lời nói của nhà thi sĩ thiên thần là Dante. . . .

Tôi cứ thế mà đọc cho hết bốn trang.

Bài luận này làm cả nhà tôi cảm xúc rất mạnh. Nếu tôi có mang được về nhà, ngôi mộ bằng vàng nguyên khối của Gergis Khan, người ta cũng không ồn ào đến thế. Mẹ tôi đem học thuộc lòng, cha tôi giữ nó luôn mấy ngày, trong túi để đem đọc từng đoạn cho người thợ cạo của ông nghe. Tôi, là người không sao hội ý được cái hay của thứ văn chương vang động ấy, tôi, là người trong sự vô ý thức số sàng, không sao đo hết được cái to lớn của sự tôi nhẽm, người ta cho tôi là một kẻ bất thành nhân dạng. Một vài người có ý tưởng đem tôi cho Lenin để khám xét, những người khác hiền hậu hơn, rồi đến lễ phải của việc cho tôi thôi học để xin đi làm thợ bạc cho một bác đóng guốc gỗ. »

Người ta cần của người em của cha tôi, một nhà kỹ sư chuyên môn về điện học, một nhà doanh nghiệp có thiên tài, chủ trương những hội đồng chính trị cũng có kết quả tốt như là chỉ huy những thợ dưới quyền ông ta. Và mẹ tôi cùng với chú tôi không nhìn nhận nhau nữa chỉ vì chú tôi đã phạm cái tội là biện luận về tôi, nguyên nhân chỉ tại sẵn có tinh thần bài xích văn chương và bài xích nghề.

Cha tôi phân giải :

— Em tôi không muốn cháu nhận rằng trong bài luận của nó có một sự huyền hoặc một ý tuyên ngôn bất phục tùng. Trong đó có một cử chỉ phiến động một cái mầm nhiều loạn. Nó muốn chọc tức thầy giáo nó.

Người ta lập luận về tôi những điều dự đoán ảm đạm nhất. Tương lai của tôi hiện ra, đầy như nhuốc.

— Tính nết thường lộ ra từ lúc bé, người ta cam đoan như vậy. Dựa theo bài học của một đứa ăn cắp, đã nhai lúc người đao phủ buộc cái giây sắp thắt cổ, để cắn vào tai mẹ mà kêu lên : « Mẹ ơi, nếu cái ngày mà tôi ăn cắp cái kim đầu tiên mà mẹ đánh cho tôi hai cái tát thì bây giờ tôi đã đến nỗi này rồi mẹ ».

Nhưng mà cha tôi vẫn có một cử chỉ khoan hồng. Vì cha tôi do dự trước hai việc cho tôi làm thủy thủ trong đội thương thuyền hay là đem giam tôi vào một nhà tù giam đến nam hai mươi một tuổi, nên ông dành cho phép tôi học cho hết niên học. Đến tháng bảy lúc thi lên lớp, cả lớp đều trúng tuyển, trừ hai người. Tôi vì quốc văn mà hỏng và người bạn cùng bạn của tôi (bạn cùng nghịch tình nữa) thì hỏng tính. (Vài giờ anh ta bị đóng quan năm ngạch pháo binh, kiêm chức giáo sư cao đẳng toán học tại trường binh bị.)

Cha tôi phải đi chữa bệnh rức gan ở Chianciano, mẹ tôi thì tôi cũng không biết phải đến một xứ nào để ở, cho giảm bệnh căng mạch máu mà những nỗi phiền muộn làm cho tăng lên một cách đáng lo ngại. Tôi thì tôi qua nghỉ hè ở một trong những hội tập ganh đua vì những điều nhằm nhệ công cộng, và những tội xấu do cô độc trong những lý tức xá, và tôi được lên lớp première vào tháng mười. Nhưng nỗi nhẽm lỗi của tôi được lãng quên đi, sự nhẽm nhuốc của cái bài tôi làm

cộc lốc và điêu bạc cũng được thời gian mờ xoá. Rồi sau, nhận một bệnh đau dạ dày, mắc phải trong ký túc xá, người ta mới lặn lội toàn ân xá cho tôi.

Nhưng không có sự cắt quãng nào vui vẻ hay trahại đến xoá được cái kỷ niệm của Pascal Palumbo, kiểu mẫu của cách hành văn sang trọng. Tất cả các gia đình bạn đồng học của tôi đều ước ao giống giống của mình được tựa tựa giống cái sự hoàn toàn ấy. Mẹ Pascal Palumbo không sao từ bỏ được nỗi cảm động gây nên do việc một ngày hai bạn đến đón con ở cửa ly-xê.

Người ta nói rất long trọng :

— Đây chính bà thân sinh ra Pascal Palumbo đấy. Khổ người cao, dáng dấp bề thế, oai vệ. Bà đòi cho con bà đi ra một cách đặc thủng với tất cả sách dày trong tay và tất cả kính cận thị đầy trên trán. Trước một bà mẹ như thế tất cả những trẻ con đều kính cần cất mũ.

Càng ngày càng tăng oai vệ, và tởn ngữa hẳn về phía sau vì sự kiêu ngạo của đứa con, danh vọng thay cái nắng ngời của bà!

Rồi tôi biệt tam Pascal Palumbo, người nhấ lớp.

Sau này tôi được biết rằng cái trí tuệ hiếm có ấy kết quả trong toà án tù giam. Nhưng bây giờ thì anh đang ở toà thượng thẩm. Anh đương làm mõ toà.

* * *

Nam nay người vợ trẻ của một nhà hàng dôi chả lộn ở Strassbourg, là một cô láng giềng buổi thuê của tôi trong một nhà khách sạn ở Capri khi vừa về đến xứ sở liền viết cho tôi một cái thư rất dài bằng tiếng Đức.

Tôi bóc thư ra với một nỗi lo ngại lẫn tủi nhục. Có trong tay một lá thư kèm theo và bí mật của cô vợ trẻ một nhà hàng dôi chả có danh nhất Âu châu mà không hiểu rõ từ ngữ của ta không sờ sờ đó là lời nể nể hay sự ước muốn, lời vĩnh biệt hay tiếng lệ u hò, lời bảo cho biết rằng ở xa vắng, bên Alsace, có một trái tim đàn bà chờ đợi mình hay là cũng đợi mình, ở sở Thương-chính, có một khối «pâté» gan béo của nhà hàng dôi chả Stallbaum et Falkenberg, thì thực quả cũng là một điều đang luôn luôn thay.

Tôi vội vàng kiểm điểm những người có thể dịch nội cái thư ấy. Tôi có rất nhiều bạn thân thông tiếng ngoại quốc nhưng những bạn thân thông tiếng ngoại quốc biết tất cả các thứ tiếng trừ cái tiếng mà các người nhờ họ dịch. Người độc nhất mà tôi có thể nhờ được là Dabowich, một người Dalmate đã từng học ở bên nước Áo, dù chàng vốn là một người Ý từ cả lời nói lẫn tính tình, dù chàng sống ở Turin là nơi chàng làm những đêm thăm «persans»

Tôi tìm địa chỉ của anh ta, đem chép lên một cái phong bì rồi tôi bỏ vào phong bì bức thư của nàng Alsacienne kiểu diễm và thêm vào mảnh giấy này :

— Thưa anh, tôi nhờ anh làm ơn vui lòng dịch giúp tôi bức thư này. Thân ái.

Người ta vẫn nói rằng muốn phụ hận lên ta, phải cần đến những câu thần chú.

Tôi không muốn mà cũng tìm thấy một câu. Tôi trông thấy ông thầy lớp Đệ Nhị của tôi hiện hồn với rất nhiều người chung quanh ông : ông hiệu trưởng, cha tôi, mẹ tôi, chú tôi, con người thông minh cực kỳ, những người láng giềng, những người bạn gái ngu ngốc của mẹ tôi, những khách cạo râu thàng ở nhà thợ cạo cùng với cha tôi.

Hồn thầy giáo tôi hò hét :

— Cái này không thành hồn một cái thư !

Cha tôi thì :

— Trong đó có mầm phiền loạn.

Và mẹ tôi :

— Nó đã nói « Thực là ngoại biện ».

Tôi sẽ mảnh thư đi. Bởi vì cái thư đơn giản ấy đã gây ra bao sự nhiễu nhương bởi vì tất cả mọi người đã mắng tôi vì nhờ người ta không được viết những cái thư như thế nó không ra hồn một cái thư thực, bởi vì người ta cam đoan rằng những điều người ta giấy không phải là để dùng ở trường, mà là để dùng ở đời, tôi mới tự bảo rằng chắc chắn là anh Dabowich sẽ phật lòng khi nhận được mảnh thư không xứng đáng như thế. Tôi sai cô hầu phòng của tôi, vốn là một nhà trí thức, xuống hầm tìm tập thư của Métafaste, tôi lại cầm trong tay bản luận của Pascal Palumbo kiểu mẫu hàng của cách hành văn sang trọng và tôi

thận trọng chép lại vào một trang giấy viết thư tuyết đẹp.

Và lúc đó tôi mới hiểu ít ra những năm học hành cũng dùng được việc. Khi tôi chép hết, tôi đọc lại tất cả :

« Thưa quý hữu,

« Quý hữu là người có hạnh phúc được biết tiếng nói của Arminius, bởi vì cái tổ ấm của gia đình quý hữu ở ngay « gần sông Quarnare, nó gần nước Ý đại Lợi và tấm biên cương của nước ấy » Đúng như nhời nói của nhà thi sĩ thiên thần là Dante, dù rằng dòng máu nó chạy trong huyết quản của quý hữu là dòng máu La-tinh cao quý. Tôi khúm núm mà xin lỗi quý hữu vì đã làm mất một chút thì giờ vàng ngọc của quý hữu và gọi đến sự sẵn lòng giúp người đã nổi danh của quý hữu để xin quý hữu giúp cho một việc nhỏ là một việc rất xa sự thản nhiên.

« Sáng nay, tôi hãy còn ngái ngủ, vì tôi còn trằn trọc lười biếng dưới lông chăn ấm, thì người ta mang vào cho tôi một bức thư mà dấu bưu điện ở Berlin cho tôi hiểu ngay rằng thư ấy thẳng từ nước Đức đến với tôi.

Tưởng tượng tôi vẫn dễ hơn là tả cái cơn sốt rét vì tò mò nó chiếm cứ tôi lúc tôi xé phong bì. Nhưng than ôi ! Tôi đọc, tôi đọc lại... mà cũng không làm thế nào hiểu nổi một chữ. Cái thư ấy viết bằng tiếng Đức.

Thực chưa bao giờ, như sáng hôm nay, tôi hiểu thấu sâu xa đến cái ích lợi vô cùng của những tiếng nói đương thời. Thực chưa bao giờ như sáng hôm nay, tôi thấy lòng hối hận vì chưa đặt mình vào học tiếng nói của đại thi hào Goethe.

Thực vậy, vì tiếng Đức có ích cho cả mọi người : cho viên thầy thuốc để đọc những tác phẩm khoa học, cho người doanh thương để tự mình gửi những thư từ giao dịch mà một người thông ngôn dù mẫn cán đến đâu lo cũng vẫn làm sai lạc cả ý tưởng đi, vì chắc quý hữu không phải là không biết rằng : dịch là phản. Ta phải đọc các thi sĩ, các nhà triết học trong chính tiếng tổ quốc họ nếu mà ta thực muốn thấu triệt hết những ý nhị của tư tưởng họ. Những ý mong manh của cảm xúc họ và tất cả cái đẹp của cách họ hành văn.

Bị chi phải bởi những suy nghĩ ấy, tôi tuơng chán ra khi giở đag, quả quyết với cái dự định hăng hái mà họ lấy tiếng nói của thi sĩ Schiller, Quý hữu là người được học thử tiếng ấy ờùng với lúc còn bú sữa đặng từ thân, chắc quý hữu sẽ nghĩ rằng đến cái tuổi tôi mới bắt tay vào học, cái thử tiếng không phải là không có nhiều khó khăn nầy, hẳn là chậm lắm. Nhưng mà Caton đã chẳng bắt đầu học tiếng của thi hào bất tử Homère trong lúc đã cao tuổi đó sao ? Và cái ông Allobroge (alfieri) dữ dội kia muốn, muốn mãi mãi, muốn hết sức lực mình đến nỗi sai tự trôi mình vào bản học, chẳng cần đã bắt đầu học tiếng La-tinh năm đã, bốn mươi bảy tuổi đó du ?

« — Nihil volentibus arduum (không cái gì khó khi ta muốn. Đối với tôi là người đã biết chút La-tinh, những sự khó khăn chắc là sẽ giảm đi nhiều lắm, vì đức tôn sư tôi có bảo chúng tôi rằng cách đặt câu Đức cũng hơi giống cách đặt câu văn La-tinh.

« Như thế, tôi có thể thấu triệt được cái đẹp tinh hoa của những tác phẩm văn chương của cái nước văn hiến này mà cũng không vì thế mà chênh mảng nước Ý Đại-lợi, nơi cũng chẳng chịu kém một nước nào kể về văn hóa, và người ta phải coi nó như là giàu có vô cùng, vì sự giàu có không cần cứ vào vàng bạc, nhưng vào những điều hiểu biết, và đây là sự giàu có mà cái may mắn của số phận bất trắc cũng không phá hoại nổi.

« Hãnh diện vì một ngày kia có thể trở nên nhờ cái trí cương quyết sánh lây gang thép của tôi, sự kiêu ngạo của gia đình của tổ quốc, của xã-hội tôi có ý tưởng viết thư cho quý hữu nhờ quý hữu dịch giúp tôi bức thư đính theo đây.

« Tôi chưa biết làm thế nào cho có thể trả được quý hữu cái món nợ ơn huệ này nhưng tôi biết rằng không bao giờ tôi quên sự đặng yêu của quý hữu. Xin cầu Thượng-đế phù hộ cho tôi một ngày kia có thể mời quý hữu đến xem cái tủ sách của tôi, mà tôi đang đề hết tâm hồn để tổ chức lại, theo số tiền mà những sự dè sẻn cho tôi để dành được, tiền ấy là kết quả của sự

nhìn tiêu những món viễn vọng này khác. Tiền bạc mà ta tiêu về việc mua sách là tiêu một cách thông minh nhất vì sách vở mới là những người bạn thực thà độc nhất, những người bạn thân độc nhất không lừa ta.

«Chao ôi! Tôi nhận thấy rằng bút của tôi chạy như ngựa và lời cuốn tôi theo. Vậy bắt buộc tôi phải từ giả quý hữu, bởi vì tôi còn nhiều việc lật vật phải thu xếp cho xong. Muốn đề khỏi lạm dụng đức tính kiên nhẫn của quý hữu, tôi xin vội vàng gửi đến quý hữu những tấm tình thân ái nhất, và mong quý hữu nhắc đến tôi trong cảm tình của lệnh từ thân cùng tất cả quý quyến. Tôi xin đem hết tâm hồn quý hữu xin quý hữu tin tôi là một người rất thân »

* * *

Tám ngày sau tôi cũng không nhận được thư bạn tôi gửi như: Tôi đến bàn giấy của anh ta, được người thư ký riêng của anh ta ra tiếp và tuyên bố :

— Có, có, tôi nhớ lắm, ông chủ tôi có nhận được một bức thư bốn trang đặc.

— Chính đấy.

Viết bằng mực tím.

Bằng mực in thạch.

— Trong còn có một cái thư nữa viết bằng tiếng

— Tiếng Đức, thế rồi sao ?

Người thư ký trả lời không muốn nói.

Tôi khuyến khích anh ta :

— Xin ông cứ nói đi.

Nhưng người thư ký lại càng cần trọng :

— Ông chủ tôi mấy phút nữa sẽ ra đây. Ông ấy sẽ thân nói truyện cùng ông.

Tôi hỏi gặng. Bấy giờ người thư ký mới nói bộp vào mặt tôi :

— Khi ông chủ tôi nhận được thư, ông ấy bắt đầu đọc một câu ở trên đầu, một câu ở cuối, rồi ông ấy lại đọc to lên một câu La-tinh hay lắm một câu thơ của Dante rồi ông ấy không nên nói nữa, ông ấy vợ tròn bực lại ông ấy vứt nó vào vọt giấy mà kêu lên : Cái con vật này nó kè con cả con kè gì thế này? Nó muốn đi đến đâu? Hay là nó tưởng tượng rằng ta có nhiều thì giờ để tiêu phí chăng ? »

Tôi không có lúc đổi dãi đề mà kịp ngắt đi, vì người bạn kỹ-nghệ-gia của tôi vào đúng ngay lúc ấy. Anh ta cất mĩ ngòi ngay vào cái bàn giấy hoa kỳ của anh ta bật một ngọn đèn xanh lên, bắt đầu bóc đóng thư từ giao dịch rất lớn của anh ra và nói với tôi :

— Anh muốn gì thế, nói đi. Anh muốn mua thêm thăm ư ?

Tôi xin nghe đây.

Tôi vừa mới cất nghĩa cho anh ta nghe về bức thư của tôi xong thì anh chàng Dabowich quắc đôi mắt xám nhìn trông vào tôi, đôi mắt có thể làm cho một cốc nước lã hóa thành một khối băng, và hỏi tôi :

— Nếu thế anh cứ viết cho tôi mấy chữ : Thưa anh, anh dịch cho tôi cái thư này ra tiếng Ý có phải dễ hơn không ?

HUYỀN KIỀU dịch

~~~~~

NGUỒN GỐC VÀ ĐẶC TÍNH CỦA

## Hiện - pháp

(Tiếp theo trang 10)

phân lập mà người ta đã cho là thái quá, hướng hô Ngũ quyền!

Nhưng trên đây là ta mới đứng về phương diện đại cương, lý thuyết mà phê bình cơ quan giám sát. Muốn rõ cái *giá trị thực tế* của nó ta không thể không đứng về *phương diện đặc biệt* của Trung quốc với tất cả *những cá tính lịch sử và địa phương* của dân tộc Trung Hoa.

Ta nên nhớ rằng, về chính trị, thì Trung Quốc trải mấy nghìn năm vẫn theo chế độ «*Nhân trị*» trái hẳn với chế độ «*Pháp Trị*» của Âu, Mỹ. Còn về kinh tế, thì Trung Quốc tuy có nhiều nguồn lợi, nhưng đều chưa khai thác, nên vẫn đứng về hạng một nước sơ khai, chưa đủ sức cung cấp một chính thể phức tạp, cụ thể của các nước văn minh Âu Mỹ.

Ta hãy xem hai hiện trạng ấy có liên lạc với cơ quan Giám Sát thế nào.

(còn nữa)  
PHÂN ANH

# GIÁO-DỤC ÂM NHẠC

VAN HOA

L. T. S., It lâu nay ở nước ta công chúng đã bắt đầu nghĩ đến âm-nhạc nhưng người chơi nhạc vẫn chưa có một quan niệm-hẳn hoi, và học đàn vẫn không có phương pháp...

Nay bạn Văn-Hoa có gửi đến một bài pháp lại những điều cốt yếu của A. Lavignac trong cuốn «Education musicale». Bản báo vui lòng đăng để giới thiệu cùng bạn đọc:

\*

Có nhiều người không hiểu vì sao có những nhạc-sĩ như Beethoven, Mozart, Schubert có thể hy-sinh cả một đời, cho sự học Âm-nhạc, cái học mà họ cho là phù phiếm và vô ích. Họ lấy làm lạ thấy sau vết những nhạc-sĩ danh tiếng đó bao nhiêu người tài-hoa khác, lại đi theo những bậc tiền bối nói trên, hy-sinh tất cả hạnh-phúc riêng của thân mình, để phụng sự một nghệ-thuật, không đem lại sung túc, no ấm, cho những người yêu mến nó. Họ không thể biết tại sao, bao kẻ tài hoa đó, nếu đem tài-năng ra phấn-đấu, để tìm danh lợi, thì có lẽ đã có cuộc đời đầy đủ hết bao nhiêu, mà lại suốt đời tâm tụy say mê cái nghệ-thuật huyền ảo của những âm-thanh, là thứ vừa nghe thấy đã vụt biến mất rồi, những âm - thanh (les sons) mơ hồ quá, chỉ để lại cho người nghe một kỷ-niệm hoang mang, cũng đủ để các người cổ tài ấy theo đuổi cả một đời ư?

Họ sẽ chết vì sao nghệ-sĩ có thể bất chấp cả nghèo nàn, đau khổ, có thể cam chịu sự thiếu thốn vật chất, và những nỗi sốt sa, sau bao ngày cố gắng mà vẫn chưa làm được một tác-phẩm nào đáng kể, nếu họ hiểu rằng: ở những âm-thanh mà họ nghe thấy hay hay đó, đã chứa đựng cả sự rung cảm của một tâm-hồn siêu-việt như Beethoven, và sự sức cảm của Beethoven tự bao đời, bây giờ lại cảm-thông đến tâm-hồn nhạc-sĩ, đang say-mê đưa lên những tiếng du dương kia.

Những người chưa hiểu được vì đâu nghệ-sĩ có thể đam-mê những âm-thanh đó, và đem cả một đời ra phụng-sự Âm-nhạc, sẽ hiểu thấu sự cao-lưu-ượng của những tâm hồn nghệ-sĩ ấy, những người đã yêu mến Âm-nhạc hơn cả đời mình, khi họ biết rằng Âm-nhạc chứa đựng, bao gồm những nghệ-thuật khác. Người ta có thể giải-thích: Âm nhạc là: «Nghệ thuật tư-tưởng bằng những âm-thanh».

Albert Lavignac, giáo sư trường Âm-nhạc Paris, đã cho rằng:

## 1) Âm-nhạc là một ngôn ngữ. (La musique est une langue)

Sợ sánh với các thứ tiếng nói trên thế giới, có lẽ Âm-nhạc là thứ ngôn ngữ mơ hồ nhất, thứ tiếng dạ không dùng lời, nói, rõ rệt, mà dùng Âm-thanh, trầm bổng. Cái ngôn ngữ mơ hồ ấy, trái lại đã có một sức diễn-đạt mãnh-liệt, một sự cảm-thông sâu sắc, có thể làm rung cảm rất mạnh mẽ những thi-k-cận và tư-tưởng của người «biết nghe nó» hơn cả thứ ngôn-ngữ hoàn-toàn nhất trên thế-giới.

Cũng như mọi thứ ngôn-ngữ khác, Âm-nhạc cũng có những tiếng riêng của từng địa-phương cũng có lối viết riêng, để ghi chép những âm-thanh, và người ta có thể nói các thứ tiếng ấy khá hay xoàng, hiểu ít hay nhiều, viết đúng hay sai vậy.

Sự học Âm-nhạc cũng như sự học những thứ ngôn-ngữ khác, người nào được dạy từ lúc còn thơ ấu, từ lúc tâm-lần còn non nớt, bao giờ cũng lợi hơn là sau này nhón lên mới học; Nếu để đến một cái tuổi đã khá cao mới học, ta có thể nói là không sao học đến nơi, đến chốn được nữa.

Như những thứ ngôn ngữ khác, Âm-nhạc có thể dạy bằng hai cách: lý-thuyết và thực-hành

An-nhạc có hẳn một nền văn chương riêng, vô cùng phong phú, mà không biết bao nhiêu màu lay, về đẹp tô-diêm thêm lên mãi.

Người soạn-nhạc (Compositeur) cũng là một tác-giả viết một cuốn sách, một cuốn tiểu thuyết hay thơ-ca như văn sĩ, thi sĩ và người danh-ca (Chanteur) và người giỡn đàn (instrumentiste) cũng có thể ví như người đọc một bài văn giỏi, diễn-tả rành mạch tư-tưởng của tác-giả, hay người diễn-thuyết giỏi. Họ chỉ khác nhau ở chỗ: nhà văn dùng những tiếng (les mots) nhạc-sĩ dùng âm-thanh (les sons) nhưng cả hai nghệ-sĩ đều theo đuổi một mục-dịch chung. Gây những cảm xúc sôi nổi, làm ham mê người nghe hay người đọc. Nhưng, không có một thứ ngôn-ngữ nào lại có thể quyến rũ mãnh-liệt bằng Âm-nhạc, đến nỗi bà Cottin đã nói: «*Âm-nhạc là một thứ ngôn-ngữ quốc-tế diễn đạt được rất hoàn-loàn những cảm xúc của cuộc sống.*»

Qua các thời-đại Âm-nhạc đã thay đổi rất nhiều, theo luật tiến-hoá của muôn loài để thích-hợp với những thể-lệ người mới của từng-xứ.

Khi nghĩ đến sự diễn-đạt một tư-tưởng bằng những Âm-thanh, chắc có người cho rằng những âm-thanh đó không thể tả một cái gì rõ rệt. Ta có thể hiểu được cái sức diễn-đạt của Âm-nhạc, nếu ta phân-biệt a) Sự tư tưởng bằng lời nói, bằng những tiếng và b) Sự tư tưởng bằng âm-thanh. Thường thường, trong cuộc sống, khi ta muốn viết một cuốn văn, hay nghĩ trong tâm-hồn ta, ta dùng những tiếng (les mots) mỗi một tiếng đó là một dấu hiệu chỉ vào một vật nhất định, và nó phát sinh trong tâm-hồn ta một ý-nghĩ (une idée). Nếu tôi nói «*Trái đất quay xung quanh mặt trời*» là tôi đã phát biểu một tư tưởng với 4 dấu hiệu: hình ảnh 2 quả cầu, hình ảnh sự quay và sự xoay quanh một chấm nhất-định.

Thường thường, cuộc đời của ta vẫn thấm nhuần, hướng dẫn bởi những hình ảnh như thế.

Nhạc sĩ đã làm gì để diễn-tả những tình-cảm của mình? Nhạc sĩ đã dùng một thứ ngôn ngữ trực tiếp, nói thẳng vào tâm-hồn người nghe, bỏ những hình ảnh của những vật, những ý nghĩ, những «*Concepts*» nếu nói theo danh từ triết-học. Bỏ những hình ảnh — concepts — ấy, nhạc sĩ có làm tối tam nghĩa của thứ ngôn-ngữ tân-kỹ ấy chăng. Không! Trái lại sự đảo-thải những

chữ, những hình ảnh và bỏ đúng trí thức để hiểu nghĩa tư tưởng định diễn tả, hình như làm cho tư tưởng được thanh thoát, khiến nó có thể súc động thẳng vào tâm-hồn một cách mãnh liệt, sâu xa hơn. Đối với một nhạc-sĩ có tài, âm nhạc thực rõ rệt, sáng sủa hơn lời nói, mà lời nói chỉ làm tối nghĩa thêm mà thôi. *Nghĩa của một câu nói đẹp đẽ, gấm vóc của Bach, của Haendel, toàn bằng âm thanh, không tài nào có thể dịch ra một thứ ngôn-ngữ khác ngoài âm-nhạc và cần phải cảm-thông trực-tiếp mới thấu hiểu sâu xa được.*

Đây là một thứ ngôn ngữ huyền ảo, mà các nhạc-sĩ đã, vì cảm-thông thấy cái nhịp nhàng của vũ-trụ, mà ảnh hưởng rung cảm ta. Họ vì trực-tiếp nhận được những nhịp nhàng đó, mà làm rung-động và đem sự tâm hồn ta chơi vui trên những tầng không khí tinh-khiết, khiến ta có thể nói rằng: «*Trước cái vô cùng cao siêu mà nhạc-sĩ cò tái đã kêu gọi trong thế giới tình cảm sâu kín của ta, thì cái vô cùng đại dương còn là hẹp cái vô cùng của các vì tinh-tú xa vời là lạnh giá...*».

(Còn nữa)

VĂN HOA

---

## HAI DU'ÔNG

(Tiếp theo trang 3)

Đề đi tới kinh đô, tại sao ta phải băn khoăn về sự đi đò, đi xe-hỏa hay đi bộ? Ta có thể mất hàng ngày nếu ta cứ ngồi suy tính lợi hại của ba cách đi ấy. Không có sự gì sui ta phải chọn một trong ba cách ấy mà cũng không có sự gì có thể khiến ta dùng một cách thứ tư, là đi ngựa.

Miền là ta đi đến kinh đô, còn thì phải tùy chiều gió, đường lối, mà nhất là sức khỏe và túi tiền của ta

Nếu ta đã định rõ mục-dịch đi theo và phân biệt mục đích ấy với những phương tiện sẽ dùng tùy theo tình trường-hợp, thì không bao giờ ta gặp sự khó khăn vì phải chọn giữa những đường đi khác ngả.

VŨ VĂN HIỀN

# Việc bồi thu'ong những tôn hai mà thu'ong dân phải chịu vì CHIẾN TRANH Ở ĐÔNG DƯ'ONG

VŨ ĐÌNH HÒI

Chiến tranh, ngày nay ngoài sự gây những tổn hại về sinh mệnh các binh-sĩ và những tổn hại về tiền tài của nhà nước, còn gây những tổn hại nhiều khi rất lớn về sinh mệnh thường dân và tài sản của tư nhân cho đến sau tận chiến tranh trước (1914—1918) nhiều nước đã ấn định sự bồi thường tư nhân về những tổn hại gây bởi chiến tranh cho thân người hoặc của cải.

Trước kia người ta chỉ nghĩ đến việc cấp dưỡng những binh sĩ bị thương hoặc vợ con binh sĩ tử trận là có ý đền công những người đã đem tính mệnh hy-sinh cho tổ quốc, hoặc nghĩ đến sửa sang, xây dựng lại những cơ quan quân-sự những đền đài dinh thự bị tàn phá là những tài sản chung của cả nước. Sự khốc hại của chiến tranh ngày nay lan rộng đến bọn thường dân mạnh quá khiến người ta nảy cái ý—rất hợp nhẽ—là chia sẻ cả sự thiệt hại riêng của một số thường dân bị nạn chiến tranh cho cả nước cùng chịu chung. Đó là một sự công bình và cũng là những tỏ sự liên đới quốc gia (solidarité nationale).

Ở Đông-dương trong cuộc chiến tranh hiện thời thường dân cũng bắt đầu chịu sự tổn hại về thân thể và tài sản. Việc bồi thường những thường dân bị nạn hoặc bị thiệt hại của cải vì chiến tranh đã thành vấn đề và ta muốn biết pháp luật đã quyết định về việc đó như thế nào.

I.— Việc bồi thường những thường dân bị nạn chiến tranh (Victimes civiles de la guerre).

Chỉ dụ, ngày 23 Février 1942 ban hành cho Đông-pháp đạo luật ngày 26 Juillet 1941: đạo luật này thì hành việc bồi thường những thường dân người Pháp bị nạn về cuộc chiến tranh này, theo thể thức ấn-định trong đạo luật ngày 24 Juin 1919 về cuộc chiến tranh trước (1914—1918).

Những thường dân bị thương hoặc bị đau ốm mà sinh ra tàn tật, vì một nạn chiến tranh đều được một số tiền cấp dưỡng vĩnh viễn hay nhất thời. Nếu nạn nhân bị thiệt mạng và nếu người

đó từ 15 tuổi trở lên, thì những người kế thừa (vợ con, bà mẹ...) cũng được hưởng số lương ấy. Cũng được coi như trẻ mồ côi, những đứa con mà mẹ bị chết nạn chiến tranh, cho đến bố họ nữa.

Những vết thương (hại đến tính mệnh hay không) vì nạn chiến tranh là: 1) những vết thương gây bởi một tác động về cơ thể hành động của quân địch hay của quân nhà để chống lại một tác động của quân địch, 2) những vết thương gây bởi sự bạo ngược của quân địch.

Những người bị đau ốm rồi sinh ra tàn tật hoặc nhiều kẻ kế thừa những người bị đau ốm rồi chết, chỉ được hưởng cấp khi nào bệnh tật đã gây nên bởi sự tàn bạo hay ngược đãi của quân địch.

Những người tàn tật vì nạn chiến tranh chỉ được hưởng số tiền dưỡng cấp khi nào cái mức tàn tật ấy tới hoặc quá 10 phần trăm. Người nào bị thương, bị đau ốm hay bị chết vì lỗi của mình và một lỗi không thể tha thứ được thì người ấy hoặc kẻ kế thừa không được hưởng tiền cấp dưỡng gì cả.

Số lương cấp dưỡng cho mỗi nạn-nhân sẽ tính theo thể thức định trong đạo luật ngày 31 Mars 1919 cho những binh-sĩ bị nạn trong cuộc chiến tranh trước.

Đạo luật sau này định số lương cấp dưỡng lên dần dần từ 240 quan một năm đến 2.400 quan tùy theo sự tàn tật nhẹ hay nặng, cái mức tàn tật có thể thay đổi từ 10-l. đến 100-l. Vợ góa hay con mồ côi thì được lĩnh mỗi năm 800 quan.

II.— Việc bồi thường những sự thiệt hại về tài sản mà thường dân phải chịu vì chiến tranh

Vì một lẽ riêng nên đoạn dưới này không đang được.

# Việc quốc tế

TỪ 15 ĐẾN 22 AVRIL 1944

## Mặt trận Á-Đông

— Trên Thái-Bình-Dương. phi cơ Mỹ đến đánh các đảo Hương-Cảng, Mariannes, Meréyon, Rabaul, nhưng đều bị phi-cơ và các đội súng cao xạ Nhật đánh lui.

— Ở Ấn Độ, khu biên giới Ấn-Điễn phía Nam quân Nhật lọt vào được vùng Kaladan và gây tình thế nguy cho Chittagoug. Phía trên, trong đồng bằng Imphal quân Anh Ấn bị báo vây kín cả và có cơ nguy sắp bị đánh tàn.

\*

## Mặt trận Ý

Tuy có những cuộc hoạt động của pháo binh đôi bên, mặt trận không có sự thay đổi.

Không quân Đồng-Minh tìm đánh phá các đường giao thông của Đức ở phía Bắc Rome.

\*

## Mặt trận Nga

— Trong ba thành (Kovel, Brody và Tarnopol) mà Hồng quân bao vây mãi không lấy được mới đây thành Tarnopol mới bị thất thủ (15 Avril) nhưng rồi lại bị quân Đức phản công bao vây ngay.

— Trên đất Lỗ, quân Nga vẫn tiến rất chậm, hiện nay mới tới Chisinau. Những đạo quân tập trung ở phía Nam. Cernauti để sắp đánh thành Kishinev nay phải quay lên phía trên chống với quân Đức Hung phản công được thắng lợi ở vùng Tarnopol. Nhưng tại kinh thành Lỗ Bncarest và miền đầu hỏa Floesti đã bị không quân Đồng-Minh tới đánh.

— Trận Crimée mỗi ngày thêm kịch liệt. Hồng-quân từ Féodosia tiến về phía Tây, lần lượt chiếm Karasubazar, Simmeropol, Bakhchissaray, Alushta, Yalta Aloupla, Balaklava, và hiện nay quân đôi bên đang đánh nhau ở vùng núi chung quanh thành Sébastopol, một quân-cảng co tiếng

tại Cực-Tây-Nam bán đảo Crimée chế ngự cả Hắc-hải.

— Mặt trận Tây Âu. Phi-cơ Anh-Mỹ hàng mấy ngàn chiếc rộ rất nhiều bom xuống Berlin và miền Bắc-Pháp (Paris, Rouen) Các báo, cả ở Đức, đều nhận rằng tiếp theo những cuộc ném bom kinh khủng ấy, quân Đồng-Minh sắp đổ bộ xuống Tây-Au nay mai.

D. Đ. D.

## Cải chính

Số báo trước ra ngày 22 Avril đã đề nhầm là 29, xin các bạn chữa hộ.

\*\*\*

Trong bài Nguyễn-Du và truyện Kiều, T. N. số 2 ngày 22 Avril, trang 11, cột 1, dòng 11:

... muốn sống oanh liệt mà phải bỏ tay, xin đọc :

... muốn sống oanh-liệt mà phải bỏ tay (1).

## Bao mới

Chúng tôi được tin bắt đầu từ Avril 1944 báo Quốc gia mỗi tháng sẽ xuất-bản: 1 số người lớn (giấy tốt, khổ lớn), 4 số trẻ em và 2 số đặc san.

Xin kính chào bạn đồng-nghiep mới và giới-thiệu với bạn đọc Thanh-Nghị.

## THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hòa bình, đừng dè trong nước rồi ren. Chính-phủ phải được nhân-dân trọng vọng mà tuân theo.

# VĂN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP SỬ HỌC

(Tiếp theo trang 6)

không những thế, sau đây những cuộc tranh đấu giữa người và người nếu có ngày sẽ bớt hẳn được tính cách dã man đi nữa, thì công chinh-phục tự nhiên vẫn phải tiến hành trong mọi chế độ mới. Chúng ta phải nhìn thấy sức chủ động của xã hội, của lịch sử trong xã hội trong lịch sử loài người.

Một vấn đề trọng yếu trong sử-học nữa là vấn đề quy-luật lịch-sử. Về phương diện này, nhiều người vẫn phủ nhận tính cách quy-luật của sử học. Nói đến «lịch sử khoa học» họ đa bĩu môi mà phản đối: lịch-sử «khoa-học» thế nào được? Lịch sử có quy luật gì? Lịch sử là một sự ngẫu-nhiên mà thôi!... Chúng tôi sẽ có dịp bàn đến vấn đề quy-luật trong xã-hội học và trong lịch sử. Một là lịch sử không phải khoa học, một là lịch sử phải có quy-luật. Nói đến khoa học là nói đến quy-luật. Nhưng ngay bây giờ, ta có thể nói rằng tính cách quy-luật lịch-sử đã rõ rệt trong sự tất nhiên của luật nhân quả. Nếu như bao nhiêu sự trạng của giống người đã gây dựng lên trên lịch trình tiến hoá: nếu như sử-sự này cùng sử-sự kia không quan hệ với nhau thì mới có thể cho làm một sự ngẫu nhiên. Trái lại, nếu như trong một sự trạng nào của lịch sử ta cũng có thể nhận thấy dây liên lạc, luật nhân quả, thì ta phải công nhận, cái tính cách quy-luật của sử-học. Muốn dẫn một vài thí dụ đại cương, thì ta có thể nhận những sự trạng tất-nhiên như là: xưa nay chính sách độc-đoán thế nào cũng đi đến chiến-tranh, — chế độ tư bản thế nào cũng gây nên những cuộc khủng hoảng, về kinh tế, về chính trị, những trận lưu huyết. Mỗi một xã-hội đều chứa sẵn những mối mâu thuẫn sẽ gây nên sự phản-hoá của bản-thân nó. Không nhận, hay ngộ nhận tính cách quy-luật sử-khoa, thì quyết không thể giải thích sử-sự cho minh bạch. Le cố nhiên là nhân, quả sử-sự rất là phức tạp. Trong lúc nghiên cứu, chúng ta cũng phải theo phương pháp khách quan của khoa-học mới có thể phân ra mỗi mảnh các sử-sự ở giữa thời gian và không gian, hai lĩnh vực của sức hoạt động mọi người.

\*\*\*

Ngày nay, sử học nước ta còn ở trong thời kỳ phôi thai. Một công việc cần cho sử học nước ta là phiên dịch những bản sách nước ngoài đã xuất bản gần đây và có giá-trị đặc biệt, bất kỳ về quốc sử, hay thế giới sử, bất kỳ về lý-luận hay lịch-sử, hay xã-hội sử. Những bộ sách lý-luận có thể cung cấp cho chúng ta những ý kiến mới về quan điểm sử-học. Con những bộ lịch sử hay xã-hội sử

bất kỳ ở nước nào, nếu người ta biên chép có hệ thống thì cũng là cho ta một thể-thực cụ thể. Theo chỗ chúng tôi biết thì về lịch sử Âu châu, và về thế giới sử, nhiều bộ sách trong tập, từng thư «L'Evolution de l'Humanité» ở Pháp, và tập History Of Civilisation ở Anh mới xuất bản sau hồi Âu-chiến 1914-1918, và nhiều công phu biên tập ở Nhật, ở Mỹ, ở Đức, ở Tàu và ở Nga. Trong các tập chí, và các từng-thư xuất bản gần đây cũng có thể bổ ích nhiều cho độc-giả, cho học giả nước ta ngày nay. Ấy là một dịp tốt để so sánh các quan-điểm về sử-học, và cũng là một cơ hội để dự-bị công cuộc viết sử nước nhà. Chỉ một sự phiên-dịch đó cũng cần rất nhiều công phu. Nếu có một viện-nghiên cứu, hay là một «Hàn Lâm Viện» cũng không thừa nhưng không có một viện «Hàn Lâm» nào nhận lấy trách nhiệm ấy thì sao? Ta đành phải tin vào lực lượng đoàn kết của những kẻ có ý muốn tốt vậy. Tự-tin cũng là một phương pháp tự cứu, (chúng ta không có phép lùi bước trước những trở lực. «Lịch sử loài người vẫn là loài người gây dựng nên»... và chép lại...

THANH TUYÊN

SẮP CÓ BẢN.

== CỰC ĐÔNG CỜ SỬ ==

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Nghiên cứu về lịch sử, địa dư, kinh tế, chính-trị của Trung-quốc và Ấn-độ.

ĐÃ CÓ BẢN.

NGUYỄN CÔNG TRƯ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Đầy 400 trang giá. . . . . 6\$00

Mua một cuốn gửi thêm. . . . . 0,80

không bán lẻ linh hóa giao ngân.

**lời tuyên**

:- 74, Tiên-tsin HANOI :-

THƯ-XÃ  
ALEXANDRE DE RHODES

MỚI XUẤT BẢN:

# LÊN TÂM

của TÂN-ĐÀ

80 trang lớn, khổ 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 4 màu của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh. Một cuốn sách tập-đọc rất lý-thú bằng thơ của thi-sĩ Tân-Đà để dạy những trẻ em, được học và được vui-thích.

Bản thường.. .. 1\$50

Bản giấy Đại-La .. .. 6,00

cước .. .. 0,50

== TÔNG PHÁT HÀNH ==  
MAI-LÍNH — HANOI

MỚI XUẤT BẢN:

# TRUNG QUỐC

## Su' Lu'oc

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ của Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6\$00 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0,80

== Thư và ngân-phiếu xin gửi về cho: ==  
NHÀ IN MAI-LÍNH HANOI

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI  
214, Hàng Bông -- HÀ NỘI

HAI CUỐN SÁCH MỚI:

NGẠM NGÃI TÌM TRẦM  
(Thanh Tịnh) 2\$00

VANG BÓNG MỘT THỜI  
(Nguyễn Tuân) 5\$00

Đang in:

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ?  
HOÀNG ĐẠO THÚY (Tái bản)

HƠI THỞ TÀN  
(NGUYỄN HỒNG)

T H Ờ I Đ A I

# THỜI ĐẠI

VÀ BA HỌA SĨ: NGUYỄN GIA TRÍ,  
LƯƠNG XUÂN NHỊ, TRẦN VĂN CẦN

TRÌNH BÀY:

BA TÁC PHẨM CỦA XUÂN DIỆU

TRƯỜNG CA (Văn)

\*

GỬI HƯƠNG CHO GIÓ (Thơ)

\*

PHẢN THÔNG VÀNG

(Truyện ngắn — tái bản).